

# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



**Ambetter.AZcompletehealth.com**

# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh mục thuốc Ambetter from Arizona Complete Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc kê toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường. Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0 -** Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Áp dụng một số giới hạn về độ tuổi và giới tính.
- Bậc 1A -** Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B -** Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2 -** Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3 -** Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4 -** Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.
- Bậc 6 -** Bảo hiểm cho bậc này dành cho thuốc điều trị ung thư hoặc thuốc chống ung thư. Khoản chia sẻ chi phí được thiết lập tương đương với khoản chia sẻ chi phí quyền lợi y tế của hội viên.

## **Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc**

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### **Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:**

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### **Nhóm Thuốc Opioid:**

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders					
Amphetamines					
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B		<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>VYVANSE CAPS</i>	3	QL(1 ea daily); ST
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Anti-Obesity Agents		
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B		<i>CONTRAVE</i>	3	QL(4 ea daily); PA
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST	<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
			<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNReIs)		
			<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
			<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
			Stimulants - Misc.		
			<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
			<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
			<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	1B	AL(At least 6 yrs old)	SOLOSEC	3	PA
methylphenidate hcl CPCR	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
methylphenidate hcl SOLN	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	Aminoglycosides		
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	1B	
methylphenidate hcl TABS 5 MG	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	ARIKAYCE	4	PA
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	1B	
methylphenidate hcl TB24 27 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	1B	
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	neomycin sulfate TABS	1B	
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	streptomycin sulfate SOLR	3	
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	1B	
methylphenidate PTCH	1B	QL(1 ea daily); PA	tobramycin NEBU	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
modafinil 200 MG	1B	QL(2 ea daily); PA	ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
modafinil 100 MG	1B	QL(1 ea daily); PA	Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC			XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
Allergenic Extracts			XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
GRASTEK SUBL	3	PA	XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
AMEBICIDES			Antirheumatic Antimetabolites		
Amebicides			METHOTREXATE	6	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
			<i>etodolac CAPS</i>	1B	
			<i>etodolac TABS</i>	1B	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
			<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B		ENBREL SOLR	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B		ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1B		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)	<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B		<b>Analgesic Combinations</b>			
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily); ST	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>nabumetone</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B		<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>naproxen TABS</i>	1B		<b>Salicylates</b>			
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>oxaprozin TABS</i>	1B		<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B		<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		
<i>sulindac TABS</i>	1B		<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B		<i>diflunisal TABS</i>	1B		
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B		<i>salsalate</i>	1B		
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors</b>						
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA	<b>Opioid Agonists</b>			
<b>Pyrimidine Synthesis Inhibitors</b>						
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	
<b>Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents</b>						
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>NUCYNTA ER TB12</i>	2	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	<i>NUCYNTA TABS</i>	2	QL(6 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B		<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B		<i>SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	3	QL(8 ea daily); PA
<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	1B		<i>SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG</i>	3	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>SUBSYS LIQD 100 MCG</i>	3	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
tramadol hcl TABS 50 MG	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
tramadol hcl TB24	1B	QL(1 ea daily)	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
Opioid Combinations					
acetaminophen w/ codeine SOLN	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	1B	PA
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	tramadol-acetaminophen	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	Opioid Partial Agonists		
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	3	New starts limited to 7 day supply; PA	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG	1B	QL(2 ea daily)
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	1B	New starts limited to 7 day supply	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG	1B	QL(3 ea daily)
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	1B	QL(3 ea daily)
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	buprenorphine hcl SOLN	1B	
			buprenorphine hcl SUBL	1B	QL(3 ea daily)
			buprenorphine PTWK	1B	QL(0.143 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA	RECTIV 0.4 % ( <i>nitroglycerin (intra-anal)</i> )	3	QL(2 gm daily)			
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B		ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections					
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)	Anthelmintics					
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>albendazole</i>	1B	PA			
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones								
Anabolic Steroids								
<i>oxandrolone</i>	1B		EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail)			
Androgens								
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA	<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)			
<i>danazol CAPS</i>	1B		<i>praziquantel</i>	1B	PA			
METHITEST TABS								
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B		ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain					
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B		Antianginals-Other					
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B		<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching			<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
Intrarectal Steroids			Nitrates					
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA	<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B				
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B		<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B				
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA	<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B				
Rectal Steroids			<i>NITRO-BID OINT</i>	3				
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B		<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B		<i>nitroglycerin PT24</i>	1B				
Vasodilating Agents			<i>NITROGLYCERIN SOLN IV</i>	1B				
			<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B				
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety								
Antianxiety Agents - Misc.								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A		<i>mexiletine hcl</i>	1B	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B		Antiarrhythmics Type I-C		
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B		<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B		<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B		Antiarrhythmics Type III		
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Benzodiazepines			<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>dofetilide</i>	1B	
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
<i>alprazolam TB24</i>	1B		Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>alprazolam TBDP</i>	1B		<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B		<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B		<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>diazepam CONC</i>	1B		<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B		<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>lorazepam CONC</i>	1B		<i>XOLAIR SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); PA
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)	<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)	<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); PA
<i>oxazepam CAPS</i>	1B		Anti-Inflammatory Agents		
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms			<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Antiarrhythmics Type I-A			Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B		<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 gm daily)
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B		<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B		<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
Antiarrhythmics Type I-B					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)	<i>fluticasone propionate hfa 44 MCG/ACT</i>	2	2 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 2 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s); 2 mail pack lmt per fill			
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	QVAR REDIHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			
Leukotriene Modulators								
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)	Sympathomimetics					
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; 1 rtl pack lmt per fill; 2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply			
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)			
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B				
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B				
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B				
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>ANORO ELLIPTA</i>	2	QL(2 ea daily)			
Steroid Inhalants			<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)			
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA	<i>BEVESPI AEROSPHERE</i>	2				
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)			
<i>fluticasone propionate hfa 110 MCG/ACT, 220 MCG/ACT</i>	2	2 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 2 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill	STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)	TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)	Xanthines		
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)	<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B		<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)	<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>theophylline TB12</i>	1B	
			<i>theophylline TB24</i>	1B	
			<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
			Coumarin Anticoagulants		
			<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
			Direct Factor Xa Inhibitors		
			ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
			ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
			XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
			XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
			XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
			<b>Heparins And Heparinoid-Like Agents</b>		
			<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ml daily)	FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ml daily); SP	FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ml daily)	FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	Anticonvulsants - Benzodiazepines			
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	clobazam SUSP	1B	QL(16 ml daily); PA	
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP	clobazam TABS	1B	QL(2 ea daily); PA	
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP	clonazepam TABS	1A		
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP	diazepam (anticonvulsant) GEL	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt amt	
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	1B		VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
Thrombin Inhibitors			VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	1B		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	
dabigatran etexilate mesylate CAPS	1B		Anticonvulsants - Misc.			
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BANZEL TABS 200 MG (rufinamide)	2	QL(2 ea daily); PA	
			BANZEL TABS 400 MG (rufinamide)	2	QL(8 ea daily); PA	
			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	
			BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>DIACOMIT CAPS 500 MG</i>	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>DIACOMIT CAPS 250 MG</i>	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>DIACOMIT PACK 500 MG</i>	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
<i>DIACOMIT PACK 250 MG</i>	4	QL(12 ea daily); PA	<i>TEGRETOL SUSP (carbamazepine)</i>	2	
<i>EPIDIOLEX</i>	3	PA	<i>TEGRETOL TABS (carbamazepine)</i>	2	
<i> gabapentin CAPS</i>	1B		<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i> gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i> gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B		<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i> lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i> lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i> lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i> lamotrigine TABS</i>	1B		Carbamates		
<i> lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i> levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i> levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i> levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	GABA Modulators		
<i> levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1B	
			<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
vigabatrin TABS	4	QL(6 ea daily); SP; PA	<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
Hydantoins				<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>		
DILANTIN	2		<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2		Antidepressants - Misc.			
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			
Succinimides				EMSAM	3	QL(1 ea daily)
CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)	
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>phenelzine sulfate</i>	1B		
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B		
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	
Valproic Acid			SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)				
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)	
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B		
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA	
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Tricyclic Agents			
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>amoxapine</i>	1B		
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>clomipramine hcl</i>	1B		
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		
Serotonin Modulators			<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		
<i>nefazodone hcl</i>	1B		<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B		<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		
			<i>imipramine pamoate</i>	1B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1B		<i>SOLIQUA 100/33</i>	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		<i>SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>			<i>SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
Alpha-Glucosidase Inhibitors			<i>SYNJARDY TABS</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
Antidiabetic Combinations			<i>XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>XULTOPHY 100/3.6</i>	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<b>Biguanides</b>		
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>GLYXAMBI</i>	2	QL(1 ea daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG</i>	2	QL(2 ea daily)	<b>Diabetic Other</b>		
<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG</i>	2	QL(1 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>JANUMET TABS</i>	2	QL(2 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors					
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
Incretin Mimetic Agents					
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
Insulin					
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
APIDRA SOLN	3	PA	Insulin Sensitizing Agents		
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2		<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)	Meglitinide Analogues		
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)	<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B		<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B		FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		Sulfonylureas		
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
			<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea					
Antiperistaltic Agents					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
diphenoxylate w/ atropine LIQD	1B		ondansetron hcl TABS 8 MG	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)			
diphenoxylate w/ atropine TABS	1B		ondansetron hcl TABS 4 MG	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)			
loperamide hcl CAPS	1B	RX/OTC	ondansetron hcl TABS 24 MG	1B	QL(0.143 ea daily)			
MOTOFEN	3		ondansetron TBDP 8 MG	1B				
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>								
Antidotes - Chelating Agents								
CHEMET	3		ondansetron TBDP 4 MG	1B	QL(1 ea daily)			
deferasirox PACK	4	PA	palonosetron hcl SOLN	1B				
deferasirox TABS	4	SP; PA	<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>					
deferasirox TBSO	4	SP; PA	meclizine hcl TABS 12.5 MG	1A	RX/OTC			
deferiprone TABS 500 MG	1B		meclizine hcl TABS 25 MG	1B	RX/OTC			
Antidotes and Specific Antagonists								
VISTOGARD	4	PA	scopolamine	1B	QL(0.34 ea daily)			
Opioid Antagonists								
naloxone hcl LIQD	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC	trimethobenzamide hcl CAPS	1B				
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	1B		<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>					
naltrexone hcl	1B		AKYNZEO	3	PA			
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>			BONJESTA TBCR	3	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(4 ea daily)			
5-HT3 Receptor Antagonists			doxylamine-pyridoxine TBEC	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(4 ea daily); PA			
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA	dronabinol CAPS	1B				
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	1B		<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>					
granisetron hcl TABS	1B	QL(0.34 ea daily)	aprepitant CAPS	1B	PA			
ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	1B	QL(3.34 ml daily)	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	1B	QL(0.067 ea daily); PA			
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	1B		aprepitant CAPS 80 MG	1B	QL(0.134 ea daily); PA			
ondansetron hcl SOSY	1B		aprepitant MISC	1B	PA			
			VARUBI TBPK	3	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>					
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors					
<i>caspofungin acetate</i>	1B		<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>ERAXIS</i>	3		<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA	<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
Antifungals					
<i>ABELCET</i>	3		<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>flucytosine</i>	1B		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals					
<i>CRESEMBA CAPS 186 MG</i>	3	PA	<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>fluconazole SUSR</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>fluconazole TABS</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA	<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>NOXAFIL SUSP (posaconazole)</i>	3	QL(20 ml daily)	<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>QUZYTIR SOLN IV</i>	3	PA
<i>TOLSURA CAPS</i>	4	PA	<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>		
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>					
Antihistamines - Alkylamines					
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B		<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines			<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
			<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B	
			<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihistamines - Piperidines					
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B		<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B		<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol					
Antihyperlipidemics - Combinations					
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
Antihyperlipidemics - Misc.					
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
Bile Acid Sequestrants					
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)	Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	4	QL(0.25 ml daily); PA
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)	<i>REPATHA SOSY</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA
Fibric Acid Derivatives					
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	ACE Inhibitors		
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B		<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B		<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>EDARBI</i>	3	QL(1 ea daily); ST	<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Antidiuretic Antihypertensives					
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)			
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1B				
<i>guanfacine hcl</i>	1B				
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1B				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>olmesartan medoxomil-amldipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	Anti-infective Agents - Misc.		
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>bacitracin</i>	3	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
<i>telmisartan-amldipine</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>XIFAXAN 550 MG</i>	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>XIFAXAN 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3		Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
Antihypertensives - Misc.			<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
<i>VECAMYL</i>	3	PA	Antiprotozoal Agents		
Direct Renin Inhibitors			<i>ALINIA SUSR</i>	2	PA
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>atovaquone</i>	1B	
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)			<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
<i>eplerenone</i>	1B		Carbapenems		
Vasodilators			<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B		<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B		<i>meropenem</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B		Chloramphenicols		
			<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
			Cyclic Lipopeptides		
			<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
			Glycopeptides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)	<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)			
<i>vancomycin hcl SOLR OR 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)	<b>COARTEM</b>	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)			
<b>Leprostatics</b>								
<i>dapsone</i>	1B		<b>Antimalarials</b>					
<b>Lincosamides</b>								
<i>clindamycin hcl</i>	1B		<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B		<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B				
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B		<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>lincomycin hcl</i>	1B		<b>KRINTAFEL</b>	3	QL(2 ea per 30 days retail)			
<b>Monobactams</b>			<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)			
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B		<i>primaquine phosphate TABS</i>	3				
<b>Oxazolidinones</b>			<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA			
<i>linezolid SUSR</i>	1B		<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA			
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>					
<i>SIVEXTRO TABS</i>	3	PA						
<b>Polymyxins</b>								
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B							
<b>Urinary Anti-infectives</b>								
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B							
<i>methenamine hippurate</i>	1B							
<i>nitrofurantoin</i>	1B							
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B							
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B							
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>								
<b>Antimalarial Combinations</b>								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimyasthenic/Cholinergic Agents					
FIRDAPSE	4	PA	BENDEKA SOLN	6	
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA	BICNU ( <i>carmustine</i> )	6	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B		<i>busulfan SOLN</i>	6	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B		BUSULFEX SOLN ( <i>busulfan</i> )	6	SP; PA
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B		<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	6	SP; PA
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)					
Antimycobacterial Agents					
CAPASTAT SULFATE	3		<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML</i>	6	PA
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>carmustine</i>	6	SP; PA
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200 MG/200ML</i>	6	PA
<i>isoniazid SOLN</i>	1B		<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	6	SP; PA
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		CISPLATIN SOLR	6	
<i>isoniazid TABS</i>	1B		<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)	<i>cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML</i>	6	
PRIFTIN	3		CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN	6	
<i>pyrazinamide</i>	1B		CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN	6	
<i>rifabutin</i>	1B	PA	<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	6	SP; PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B		EVOMELA	6	
<i>rifampin SOLR</i>	1B		GLEOSTINE 10 MG, 40 MG, 100 MG	6	PA
SIRTURO	3	PA	IFEX SOLR ( <i>ifosfamide</i> )	6	SP; PA
TRECATOR	3	QL(4 ea daily)	IFEX SOLR	6	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer			<i>ifosfamide SOLN 3 GM/60ML</i>	6	PA
Alkylating Agents			<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	6	SP; PA
ALKERAN ( <i>melphalan</i> )	6		<i>ifosfamide SOLR</i>	6	SP; PA
ALKERAN ( <i>melphalan hcl</i> )	6		IFOSFAMIDE SOLR	6	PA
BELRAPZO SOLN	6		KEMOPLAT SOLN	6	PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	6	SP; PA	LEUKERAN	6	SP; PA
BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	6				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>melphalan</i>	1B		<i>flouxuridine</i>	6	SP; PA
<i>melphalan hcl</i>	1B		<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	6	SP; PA
MYLERAN TABS	6	SP; PA	FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN	6	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	6	SP; PA	<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	6	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLR</i>	6	PA	<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	6	PA
TEMODAR CAPS 100 MG, 140 MG, 180 MG, 250 MG ( <i>temozolomide</i> )	6	SP; PA	<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	6	SP; PA
TEMODAR SOLR	6	SP; PA	FOLOTYN	6	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	6	SP; PA	FOLOTYN ( <i>pralatrexate</i> )	6	PA
TEPADINA 100 MG ( <i>thiotepa</i> )	6	PA	<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6	
TEPADINA 15 MG ( <i>thiotepa</i> )	6	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLN</i>	6	PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	6	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	6	SP; PA
<i>thiotepa 100 MG</i>	6	PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	6	PA
TREANDA SOLR ( <i>bendamustine hcl</i> )	6	SP; PA	GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN	6	
VIVIMUSTA SOLN	6		GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN ( <i>gemcitabine hcl</i> )	6	
YONDELIS	6		GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN ( <i>gemcitabine hcl</i> )	6	PA
ZANOSAR	6	SP; PA	INFUGEM	6	
ZEPZELCA	6		<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
Antimetabolites			<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML</i>	1B	
ALIMTA SOLR 100 MG ( <i>pemetrexed disodium</i> )	6	PA	<i>methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML</i>	6	PA
ALIMTA SOLR 500 MG ( <i>pemetrexed disodium</i> )	6	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
ARRANON ( <i>nelarabine</i> )	6	SP; PA	<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>azacitidine SUSR</i>	6	SP; PA	<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>capecitabine</i>	6	SP; PA			
<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	6	PA			
<i>clofarabine</i>	6	SP; PA			
CLOLAR ( <i>clofarabine</i> )	6	SP; PA			
<i>cytarabine SOLN 20 MG/ML</i>	6	PA			
<i>cytarabine SOLN</i>	6	SP; PA			
DACOGEN ( <i>decitabine</i> )	6	SP; PA			
<i>decitabine</i>	6	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
nelarabine	6	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	6	QL(1 ea daily); PA	
ONUREG TABS	6	PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	6	QL(2 ea daily); PA	
PEMETREXED	6	PA	MVASI	6	PA	
pemetrexed disodium SOLR 500 MG	6	SP; PA	ZALTRAP 200 MG/8ML	6	PA	
pemetrexed disodium SOLR 100 MG, 750 MG, 1000 MG	6	PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	6	SP; PA	
PEMETREXED SOLN 1 GM/40ML, 100 MG/4ML, 500 MG/20ML	6	PA	ZIRABEV	6	PA	
PEMFEXY	6	PA	Antineoplastic - Antibodies			
pralatrexate 20 MG/ML	6	SP; PA	ADCETRIS	6	SP; PA	
pralatrexate 40 MG/2ML	6	PA	ARZERRA	6	SP; PA	
PURIXAN SUSP	6	PA	BAVENCIO	6		
TABLOID	6	SP; PA	BESPONSA	6		
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	6	SP; PA	BLENREP	6		
VIDAZA SUSR (azacitidine)	6	SP; PA	BLINCYTO	6	PA	
XATMEP SOLN	6	PA	DARZALEX	6		
XELODA (capecitabine)	6	SP; PA	EMPLICITI	6		
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			ENHERTU	6		
AVASTIN 100 MG/4ML	6	SP; PA	GAZYVA	6	PA	
CYRAMZA	6	PA	IMFINZI	6		
INLYTA	6	QL(2 ea daily); SP; PA	KADCYLA	6	PA	
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	6	QL(1 ea daily); PA	KEYTRUDA	6	PA	
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	6	QL(3 ea daily); PA	LIBTAYO	6		
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	6	QL(2 ea daily); PA	LUMOXITI	6		
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	6	QL(3 ea daily); PA	MONJUVI	6		
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	6	QL(2 ea daily); PA	MYLOTARG	6		
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	6	QL(3 ea daily); PA	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	6	PA	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
UNITUXIN	6		Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
YERVOY	6	SP; PA	DAURISMO	6	PA			
ZEVALIN Y-90	6	PA	ERIVEDGE	6	QL(1 ea daily); SP; PA			
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents								
HERCEPTIN 150 MG	6	SP; PA	ODOMZO	6	QL(1 ea daily); PA			
HERZUMA	6		Antineoplastic - Hormonal and Related Agents					
KANJINTI	6	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	6	QL(2 ea daily); PA			
OGIVRI	6	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	6	QL(4 ea daily); SP; PA			
ONTRUZANT	6		<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)			
PERJETA	6	SP; PA	<i>ARIMIDEX (anastrozole)</i>	6	QL(1 ea daily)			
TRAZIMERA	6	PA	<i>AROMASIN (exemestane)</i>	6	QL(1 ea daily); SP			
TUKYSA	6	PA	<i>bicalutamide</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA			
Antineoplastic - BCL-2 Inhibitors			<i>CAMCEVI</i>	6	PA			
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK	6	PA	<i>CASODEX (bicalutamide)</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA			
VENCLEXTA TABS	6	PA	<i>ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG</i>	6	SP; PA			
Antineoplastic - Cellular Immunotherapy			<i>ELIGARD KIT SC 7.5 MG</i>	6	QL(0.0089 ea daily); SP; PA			
TECARTUS	6		<i>EMCYT</i>	6	SP; PA			
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>ERLEADA 60 MG</i>	6	PA			
ERBITUX	6	SP; PA	<i>ERLEADA 240 MG</i>	6	QL(1 ea daily); PA			
<i>erlotinib hcl</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>EULEXIN</i>	6	QL(6 ea daily); SP; PA			
EXKIVITY	6	PA	<i>exemestane</i>	6	QL(1 ea daily); SP			
<i>gefitinib</i>	6	QL(2 ea daily)	<i>FARESTON (toremifene citrate)</i>	6				
GILOTrif	6	QL(1 ea daily); PA	<i>FEMARA (letrozole)</i>	6				
IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	6	QL(2 ea daily)	<i>FIRMAGON</i>	6	QL(0.143 ea daily); SP; PA			
PORTRAZZA	6		<i>flutamide</i>	6	QL(6 ea daily); SP; PA			
TAGRISSO 80 MG	6	QL(1 ea daily); PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); PA			
TAGRISSO 40 MG	6	QL(2 ea daily); PA	<i>letrozole</i>	1B				
TARCEVA ( <i>erlotinib hcl</i> )	6	QL(1 ea daily); SP; PA						
VECTIBIX 400 MG/20ML	6	PA						
VECTIBIX 100 MG/5ML	6	SP; PA						
VIZIMPRO	6	QL(1 ea daily); PA						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LEUPROLIDE ACETATE/BUPIVACAINE HYDROCHLORIDE	6		Inhibitors		
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	6	SP; PA	WELIREG	6	
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	6	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	6	SP; PA	POMALYST	6	QL(1 ea daily); PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	6	QL(0.1339 ea daily); SP; PA	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	6	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	AYVAKIT	6	QL(1 ea daily); PA
LYSODREN	6	SP; PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B		XPOVIO	6	PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B		XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	6	PA
NILANDRON ( <i>nilutamide</i> )	6	QL(2 ea daily)	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	6	PA
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)	Antineoplastic Antibiotics		
NUBEQA	6	QL(4 ea daily); PA	<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	6	SP; PA
ORGOVYX	6	PA	<i>bleomycin sulfate 30 UNIT</i>	6	PA
ORSERDU	6	PA	COSMEGEN ( <i>dactinomycin</i> )	6	SP; PA
SOLTAMOX SOLN	6	PA	<i>dactinomycin</i>	6	SP; PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>daunorubicin hcl SOLN</i>	6	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN	6	
<i>toremifene citrate</i>	6		DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN ( <i>daunorubicin hcl</i> )	6	
TRELSTAR MIXJECT	6	SP; PA	DOXIL ( <i>doxorubicin hcl liposomal</i> )	6	SP; PA
XTANDI CAPS	6	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	6	SP; PA
XTANDI TABS	6		<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	6	SP; PA
YONSA	6	QL(4 ea daily); PA	<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	6	SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	6	QL(0.0119 ea daily); SP; PA	ELLENCE SOLN 50 MG/25ML	6	SP; PA
ZOLADEX 3.6 MG	6	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	ELLENCE SOLN 200 MG/100ML	6	PA
ZYTIGA 500 MG ( <i>abiraterone acetate</i> )	6	QL(2 ea daily); PA	IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML ( <i>idarubicin hcl</i> )	6	PA
ZYTIGA 250 MG ( <i>abiraterone acetate</i> )	6	QL(4 ea daily); SP; PA			
Antineoplastic - Hypoxia-Inducible Factor					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML ( <i>idarubicin hcl</i> )	6	SP; PA	ALIQOPA	6	
<i>idarubicin hcl</i> 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	6	SP; PA	ALUNBRIG TABS	6	QL(1 ea daily); PA
<i>idarubicin hcl</i> 20 MG/20ML	6	PA	ALUNBRIG TBPK	6	QL(1 ea daily); PA
JELMYTO SOLR UL	6		BALVERSA	6	PA
<i>mitomycin</i> SOLR IV 20 MG	6	SP; PA	BELEODAQ	6	PA
<i>mitomycin</i> SOLR IV 5 MG, 40 MG	6	PA	BORTEZOMIB SOLN	6	PA
MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML	6		<i>bortezomib</i> SOLR IJ	6	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl</i> 2 MG/ML	6	PA	BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5 MG	6	PA
<i>mitoxantrone hcl</i> 2 MG/ML	6	SP; PA	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	6	PA
<i>valrubicin</i>	6	SP; PA	BOSULIF TABS 400 MG	6	QL(1 ea daily); PA
VALSTAR ( <i>valrubicin</i> )	6	SP; PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	6	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			BRAFTOVI 75 MG	6	PA
DARZALEX FASPRO	6		BRUKINSA	6	PA
HERCEPTIN HYLECTA	6		CABOMETYX TABS	6	PA
INQOVI	6		CALQUENCE	6	PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	6	QL(2 ea daily); PA	CALQUENCE	6	PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	6	QL(2.5 ea daily); PA	CAPRELSA	6	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	6	QL(3.25 ea daily); PA	COMETRIQ KIT	6	QL(4 ea daily); SP; PA
LONSURF	6	PA	COMETRIQ KIT	6	QL(2 ea daily); SP; PA
OPDUALAG	6	PA	COMETRIQ KIT	6	QL(3 ea daily); SP; PA
PHESGO	6		COPIKTRA	6	PA
RITUXAN HYCELA	6	PA	COTELLIC	6	PA
VYXEOS	6		<i>everolimus</i> TABS	6	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			<i>everolimus</i> TBSO	6	PA
AFINITOR DISPERZ TBSO ( <i>everolimus</i> )	6	PA	FARYDAK	6	PA
AFINITOR TABS ( <i>everolimus</i> )	6	QL(1 ea daily); SP; PA	FOTIVDA	6	
ALECENSA	6	QL(4 ea daily); PA	GAVRETO	6	PA
			GLEEVEC ( <i>imatinib mesylate</i> )	6	QL(2 ea daily); SP; PA
			IBRANCE CAPS	6	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IBRANCE TABS	6	QL(1 ea daily); PA	NERLYNX	6	PA
ICLUSIG	6	QL(1 ea daily); PA	NEXAVAR ( <i>sorafenib tosylate</i> )	6	QL(4 ea daily); SP; PA
ICLUSIG	6	QL(1 ea daily); PA	NINLARO	6	QL(0.143 ea daily); PA
IDHIFA	6	PA	<i>pazopanib hcl</i>	6	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>imatinib mesylate</i>	6	QL(2 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	6	QL(1 ea daily); PA
IMBRUWICA CAPS 70 MG	6	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	6	PA
IMBRUWICA CAPS 140 MG	6	QL(3 ea daily); PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	6	PA
IMBRUWICA SUSP	6	QL(8 ml daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	6	PA
IMBRUWICA TABS	6	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	6	PA
INREBIC	6	PA	RETEVMO	6	PA
ISTODAX SOLR ( <i>romidepsin</i> )	6	SP; PA	REZLIDHIA	6	PA
JAKAFI	6	QL(2 ea daily); SP; PA	ROMIDEPSIN SOLN	6	
JAYPIRCA	6	PA	<i>romidepsin SOLR</i>	6	SP; PA
KISQALI	6	QL(2.5 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	6	PA
KISQALI	6	QL(2 ea daily); PA	RUBRACA	6	QL(4 ea daily); PA
KOSELUGO	6	PA	RYDAPT	6	PA
KRAZATI	6	PA	SCEMBLIX	6	PA
KYPROLIS	6	PA	<i>sorafenib tosylate</i>	6	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	6	QL(6 ea daily); SP; PA	SPRYCEL	6	QL(1 ea daily); SP; PA
LORBRENA	6	QL(1 ea daily); PA	STIVARGA	6	QL(4 ea daily); SP; PA
LUMAKRAS	6		<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	6	PA
LUMAKRAS	6		<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA
LYNPARZA TABS	6	QL(4 ea daily); PA	SUTENT 37.5 MG ( <i>sunitinib malate</i> )	6	PA
LYTGOBI	6	PA	SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG ( <i>sunitinib malate</i> )	6	QL(1 ea daily); SP; PA
MEKINIST SOLR	6	PA	TABRECTA	6	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	6	QL(3 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	6	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST TABS 2 MG	6	QL(1 ea daily); PA	TAFINLAR TBSO	6	PA
MEKTOVI	6	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 ea daily); PA	ZELBORAF	6	SP; PA
TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG	6	PA	ZOLINZA	6	QL(4 ea daily); SP; PA
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	6	QL(1 ea daily); PA	ZYDELIG	6	QL(2 ea daily); PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	6	QL(4 ea daily); SP; PA	ZYKADIA TABS	6	
TASIGNA 50 MG	6	QL(4 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
TAZVERIK	6	PA	ASPARLAS	6	
<i>temsirolimus</i>	6	QL(0.143 ml daily); SP; PA	ONCASPAR	6	SP; PA
TEPMETKO	6	PA	Antineoplastic Radiopharmaceuticals		
TIBSOVO	6	PA	AZEDRA DOSIMETRIC	6	
TORISEL ( <i>temsirolimus</i> )	6	QL(0.143 ml daily); SP; PA	AZEDRA THERAPEUTIC	6	
TRUSELTIQ	6		LUTATHERA	6	
TURALIO	6	AC; PA	PLUVICTO	6	PA
TURALIO	6	PA	QUADRAMET	6	PA
TYKERB ( <i>lapatinib ditosylate</i> )	6	QL(6 ea daily); SP; PA	STRONTIUM CHLORIDE SR-89	6	PA
UKONIQ	6		XOFIGO	6	PA
VANFLYTA	6	PA	Antineoplastics Misc.		
VELCADE SOLR IJ ( <i>bortezomib</i> )	6	SP; PA	ACTIMMUNE	6	SP; PA
VERZENIO	6	QL(2 ea daily); PA	ALFERON N	6	PA
VITRAKVI CAPS	6	PA	<i>arsenic trioxide 12 MG/6ML</i>	6	
VITRAKVI SOLN	6	PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	6	SP; PA
VONJO	6	QL(4 ea daily); PA	<i>bexarotene</i>	6	SP; PA
VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	6	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>dacarbazine SOLR 100 MG</i>	6	PA
XALKORI CAPS	6	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	6	SP; PA
XOSPATA	6	PA	ELZONRIS	6	
ZEJULA CAPS	6	QL(3 ea daily); PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	6	QL(1 ea daily); PA	INTRON A SOLR 10000000 UNIT, 50000000 UNIT	6	PA
ZEJULA TABS 100 MG	6	QL(3 ea daily); PA	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	6	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PHOTOFRIN	6	SP; PA	DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML	6	PA
PROLEUKIN	6	SP; PA	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML	6	SP; PA
SYNRIBO	6	SP; PA	<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	6	SP; PA
TARGRETIN ( <i>bexarotene</i> )	6	SP; PA	<i>docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML</i>	6	PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B		DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML ( <i>docetaxel</i> )	6	PA
TRISENOX (arsenic trioxide)	6		DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML ( <i>docetaxel</i> )	6	SP; PA
UVADEX	6	SP; PA	ETOPOPHOS	6	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts			<i>etoposide CAPS</i>	6	SP; PA
ELITEK	6	PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	6	SP; PA
KEPIVANCE 6.25 MG	6	SP; PA	HALAVEN	6	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			IXEMPRA KIT 15 MG	6	SP; PA
<i>dexrazoxane hcl</i>	6	PA	IXEMPRA KIT 45 MG	6	PA
ETHYOL	6		JEVTANA	6	SP; PA
KHAPZORY	6		MARQIBO	6	PA
<i>leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML</i>	6		<i>paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	6	PA
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B		<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	6	SP; PA
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	6	SP; PA
<i>levoleucovorin calcium SOLN 250 MG/25ML</i>	6		PACLITAXEL PROTEIN-BOUNDPARTICLES	6	SP; PA
<i>levoleucovorin calcium SOLN 175 MG/17.5ML</i>	6	PA	<i>vinblastine sulfate SOLN</i>	6	PA
<i>levoleucovorin calcium SOLR</i>	6	PA	<i>vincristine sulfate</i>	6	SP; PA
<i>mesna SOLN</i>	6	PA	<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	6	PA
MESNEX SOLN ( <i>mesna</i> )	6	PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	6	SP; PA
MESNEX TABS	6	PA	Topoisomerase I Inhibitors		
TOTECT	6	PA	CAMPTOSAR 300 MG/15ML ( <i>irinotecan hcl</i> )	6	PA
VORAXAZE	6	SP; PA			
Mitotic Inhibitors					
ABRAXANE	6	SP; PA			
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	6	SP; PA			
<i>docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML</i>	6	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML ( <i>irinotecan hcl</i> )	6	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
HYCAMTIN CAPS	6	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
HYCAMTIN SOLR ( <i>topotecan hcl</i> )	6	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML</i>	6	PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	6	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
ONIVYDE	6		NEUPRO	2	
<i>topotecan hcl SOLN</i>	6	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
TOPOTECAN HCL SOLN	6	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topotecan hcl SOLR</i>	6	SP; PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
TRODELVY	6		<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease					
Antiparkinson Adjunctive Therapy					
<i>carbidopa</i>	1B		<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Anticholinergics					
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B		Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B		<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B		<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B		<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors					
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)	ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
<i>tolcapone</i>	1B		Antimanic Agents		
Antiparkinson Dopaminergics					
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B		<i>LITHIUM</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B		<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		Antipsychotics - Misc.		
			<i>EQUETRO 100 MG</i>	3	QL(2 ea daily); ST
			<i>EQUETRO 200 MG</i>	3	QL(8 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST	<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Benzisoxazoles</b>			<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	2	PA	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA	<b>Phenothiazines</b>		
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<b>Butyrophenones</b>			<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)	<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS 1 MG</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>			<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>clozapine TABS</i>	1B		<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)	<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>ariPIPRAZOLE SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>REXULTI</b>	3	PA	<b>EMTRIVA SOLN</b>	3	QL(24 ml daily)
<b>Thioxanthenes</b>					
<i>thiothixene</i>	1B		<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>					
Antiretrovirals					
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	<b>FUZEON SOLR</b>	4	SP; PA
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>GENVOYA</b>	3	QL(1 ea daily)
<b>APTIVUS CAPS</b>	3	QL(4 ea daily)	<b>INTELENCE 25 MG</b>	3	QL(8 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>ISENTRESS HD TABS</b>	3	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<b>ISENTRESS CHEW</b>	3	QL(6 ea daily)
<b>BIKTARVY</b>	3	QL(1 ea daily)	<b>ISENTRESS TABS</b>	3	QL(2 ea daily)
<b>CIMDUO</b>	3	QL(1 ea daily); ST	<b>JULUCA</b>	3	QL(1 ea daily)
<b>COMPLERA</b>	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>DELSTRIGO</b>	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>DOVATO</b>	3	QL(1 ea daily)	<b>LEXIVA SUSP</b>	3	QL(56 ml daily)
<b>EDURANT</b>	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<b>efavirenz TABS</b>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>emtricitabine CAPS</b>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<b>NORVIR PACK</b>	3	QL(12 ea daily)
			<b>NORVIR SOLN</b>	3	QL(15 ml daily)
			<b>ODEFSEY</b>	3	QL(1 ea daily)
			<b>PIFELTRO</b>	3	QL(1 ea daily)
			<b>PREZCOBIX</b>	3	QL(1 ea daily)
			<b>PREZISTA SUSP</b>	3	QL(12 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)	<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	
PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	3	QL(1 ea daily)	EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA	
PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	3	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3		PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA	
RUKOBIA	4	PA	<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)	
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)	
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)	SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA	
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)	Herpes Agents			
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)	<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B		<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)	
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)	<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)	<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
TYBOST	3	QL(1 ea daily)	<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)	<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)	Influenza Agents			
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)	<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)	
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)	<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill	
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)				
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)				
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)				
CMV Agents						
<i>cidofovir</i>	3					
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B					
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA				
Hepatitis Agents						
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA				
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)	<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B				
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>								
Alpha-Beta Blockers								
<i>carvedilol</i>	1B		<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B				
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B		<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B				
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B		<i>timolol maleate TABS</i>	1B				
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>					
Beta Blockers Cardio-Selective								
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B		<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B				
<i>atenolol TABS</i>	1B		<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>betaxolol hcl</i>	1B		<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B				
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B		<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B				
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B				
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B		<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B				
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B				
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B				
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B				
Beta Blockers Non-Selective								
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA	<i>felodipine</i>	1B				
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>isradipine CAPS</i>	1B				
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B				
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B				
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)			
			<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B				
			<i>nifedipine TB24</i>	1B				
			<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
			<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nimodipine CAPS</i>	1B		<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B		Prostaglandin Vasodilators		
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>ORENITRAM TBCR</i>	4	PA
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B		<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B		<i>TYVASO REFILL SOLN IN</i>	4	PA
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B		<i>TYVASO STARTER SOLN IN</i>	4	PA
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm			<i>TYVASO SOLN IN</i>	4	PA
Cardiac Glycosides			Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B		<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B		<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2		<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2		<i>OPSUMIT</i>	4	QL(1 ea daily); PA
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions			<i>TRACLEER TBSO</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations			Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B		<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
Impotence Agents			<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA	<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>STENDRA</i>	3	QL(0.134 ea daily)	Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA	<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefprozil TABS</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA	<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Sinus Node Inhibitors			Cephalosporins - 3rd Generation		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
Transthyretin Stabilizers			<i>cefixime CAPS</i>	1B	
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B		Cephalosporins - 5th Generation		
Cephalosporins - 2nd Generation			<i>TEFLARO</i>	3	
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B		Combination Contraceptives - Oral		
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>BALCOLTRA (levonorgestrel-ethynodiol-estradiol-iron)</i>	0	
			<i>desogestrel &amp; ethynodiol estradiol</i>	0	
			<i>desogestrel-ethynodiol estradiol (biphasic)</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0				
<i>dospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0				
<i>dospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0				
<b>Combination Contraceptives - Transdermal</b>								
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0				
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)			
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<b>Combination Contraceptives - Vaginal</b>					
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		ANNOVERA	0	PA			
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)			
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		<b>Emergency Contraceptives</b>					
LO LOESTRIN FE TABS	0		ELLA	0				
NATAZIA	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0				
NEXTSTELLIS	0		<b>Progestin Contraceptives - Injectable</b>					
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)			
<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	90 rtl lmt day(s); QL(1 ml per 90 days retail)			
<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)			
<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0		<b>Progestin Contraceptives - Oral</b>					
<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0				
<i>norethindrone acet &amp; eth estra</i>	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)			
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>					
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<b>Glucocorticosteroids</b>					
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG	4	PA	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		prednisone TBPK	1B	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	1B		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
dexamethasone ELIX	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
dexamethasone SOLN	1B		triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	1B	
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B		Mineralocorticoids		
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	1A		fludrocortisone acetate TABS	1B	
EMFLAZA SUSP	4	PA	COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort)	4	PA	Antitussives		
hydrocortisone TABS	1B		benzonatate 100 MG	1B	QL(6 ea daily)
MEDROL TABS	3		benzonatate 150 MG	1B	QL(4 ea daily)
methylprednisolone acetate SUSP	1B		benzonatate 200 MG	1B	QL(3 ea daily)
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	1B		Cough/Cold/Allergy Combinations		
methylprednisolone TABS	1B		hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER	1B	
methylprednisolone TBPK	1B		TUZISTRA XR	2	PA
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	1B		Misc. Respiratory Inhalants		
prednisolone sodium phosphate TBDP	3		HYPERSAL NEBU	1B	
prednisolone SOLN	1B		NEBUSAL NEBU	1B	
prednisolone TABS	1B		sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	1B	
prednisone SOLN	1B		Mucolytics		
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	1A		acetylcysteine SOLN	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions			Acne Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
adapalene CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	clindamycin phosphate-tretinoin	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene GEL 0.3 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	DIFFERIN LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
adapalene GEL 0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC	erythromycin (acne aid) PADS	1B	AL(At least 12 yrs old)
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST	erythromycin (acne aid) SOLN	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	3	AL(At least 12 yrs old); PA
benzoyl peroxide-erythromycin GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	sulfacetamide sodium (acne)	1B	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide GEL 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide GEL 5 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
clindamycin phosphate (topical) FOAM	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
clindamycin phosphate (topical) GEL	1B	QL(8 gm daily)	tretinoin microsphere 0.1 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old)	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) SOLN	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
clindamycin phosphate (topical) SWAB	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
			Antibiotics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
Antifungals - Topical			<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC	<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)	<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)	<i>tavaborole</i>	1B	PA
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC	Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B		Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)	<i>bexarotene (topical)</i>	6	SP; PA
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)			
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)			
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)			
<i>luliconazole</i>	1B	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CARAC CREA <i>(fluorouracil (topical))</i>	6	PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN 5 %</i>	1B	QL(2 ml daily); PA	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN 2 %</i>	1B	QL(2 ml daily)	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
LEVULAN KERASTICK SOLR	6	PA	SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA
PANRETIN	6	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
TARGRETIN <i>(bexarotene (topical))</i>	6	SP; PA	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
VALCHLOR	6	PA	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
Antipruritics - Topical			<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA	TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA
Antipsoriatics			TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Antiseborrheic Products		
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	Antivirals - Topical		
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	Burn Products		
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
			<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
			SULFAMYLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical					
			<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>CORDRAN TAPE</i>	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1B		
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)	
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B		
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)	
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA	
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	Emollients			
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC	
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC	
<i>HALOG OINT</i>	3	PA	Enzymes - Topical			
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC	<i>SANTYL OINT</i>	3	PA	
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		Immunomodulating Agents - Topical			
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC	<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	Immunosuppressive Agents - Topical			
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA	
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA	
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		Keratolytic/Antimitotic Agents			
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		<i>podofilox SOLN</i>	1B		
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	Local Anesthetics - Topical			
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)	THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)			
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)			
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA			
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)			
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical					
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA			
Rosacea Agents					
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)			
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA			
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)			
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)			
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)			
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B				
Scabicides & Pediculicides					
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA			
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC			
<i>malathion</i>	1B				
<i>permethrin CREA</i>	1B				
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B				
<i>spinosad</i>	1B	PA			
Wound Care Products					
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)			
DIAGNOSTIC PRODUCTS					
Diagnostic Drugs					
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes					
Digestive Enzymes					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>					
Carbonic Anhydrase Inhibitors					
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<b>Thiazides and Thiazide-Like Diuretics</b>		
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
Diuretic Combinations					
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>					
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones					
Bone Density Regulators					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)	<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)	NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
<i>FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA	GnRH/LHRH Antagonists		
<i>FOSAMAX PLUS D</i>	3	QL(0.143 ea daily); PA	<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	<i>ORILISSA</i>	2	PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)	Growth Hormone Receptor Antagonists		
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
<i>PAMIDRONATE DISODIUM SOLN</i>	4	SP; PA	Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
<i>PROLIA SOSY</i>	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA	<i>EGRIFTA 2 MG</i>	4	PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA	<i>EGRIFTA SV</i>	4	PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	Growth Hormones		
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA	HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
<i>TERIPARATIDE SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); PA	ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<i>TYMLOS</i>	4	PA	Hormone Receptor Modulators		
<i>XGEVA SOLN</i>	4	SP; PA	<i>OSPHENA</i>	3	PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
<i>Corticotropin</i>			INCRELEX	4	SP; PA
<i>ACTHAR</i>	3	PA	LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
<i>Fertility Regulators</i>			FENSOLVI SC	6	SP; PA
			LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	6	SP; PA
			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	6	SP; PA
			SYNAREL	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
Metabolic Modifiers								
ALDURAZYME	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>betaine</i>	4	SP; PA	STIMATE SOLN NA	4	SP; PA			
<i>calcitriol CAPS</i>	1B		Prolactin Inhibitors					
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B		<i>cabergoline</i>	1B				
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	Somatostatic Agents					
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B		<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA			
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B		SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA			
ELAPRASE	4	SP; PA	SIGNIFOR	4	PA			
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA	Vasopressin Receptor Antagonists					
LUMIZYME	4	SP; PA	<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA			
MYALEPT	4	PA	ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs					
NAGLAZYME	4	SP; PA	Estrogen Combinations					
<i>nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG</i>	4	SP; PA	CLIMARA PRO	3				
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B		DUAVEE	3	PA			
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B				
PHEBURANE PLLT	4	PA	PREMPHASE	2				
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA	PREMPRO	2	QL(1 ea daily)			
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA	Estrogens					
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA	DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B				
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA	DEPO-ESTRADIOL	3				
Posterior Pituitary Hormones			ELESTRIN GEL	3				
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B		<i>estradiol valerate</i>	1B				
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B		<i>estradiol GEL</i>	1B				
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA	<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)			
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>estradiol PTWK</i>	1B				
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>estradiol TABS</i>	1B				
			ESTROGEL GEL	3				
			EVAMIST SOLN	3				
			MENEST	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MENOSTAR PTWK	3		Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
PREMARIN SOLR	2		<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)	Gastrointestinal Stimulants		
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
Fluoroquinolones			<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
BAXDELA SOLR	3	PA	<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
BAXDELA TABS	3	PA	Inflammatory Bowel Agents		
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B		<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3		<i>DIPENTUM</i>	2	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	<i>INFLECTRA</i>	4	PA
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B		<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B		<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A		<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B		<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B		<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B		<i>RENFLEXIS</i>	4	PA
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B		<i>SKYRIZI SOCT</i>	4	QL(0.043 ml daily); PA
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. -			<i>STELARA 130 MG/26ML</i>	4	QL(3.47 ml daily); PA
Miscellaneous Gastrointestinal Drugs			<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
5-HT4 Receptor Agonists			<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
MOTEGRITY	3	PA	Intestinal Acidifiers		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents			<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
CHOLBAM	4	SP; PA	Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
Gallstone Solubilizing Agents			<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>LINZESS</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B		<i>ZELNORM 6 MG</i>	3	PA
Peripheral Opioid Receptor Antagonists					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>alvimopan</i>	1B		Prostatic Hypertrophy Agents					
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA	<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Phosphate Binder Agents								
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B		<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA			
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B		<i>finasteride</i>	1B	5 mg only			
PHOSLYRA SOLN	2		<i>silodosin</i>	1B				
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B		<i>tamsulosin hcl</i>	1B				
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B		Urinary Analgesics					
VELPHORO	3	PA	<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B				
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -								
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System								
Alkalinizers								
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B		<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B				
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC	Gout Agents					
Cystinosis Agents			<i>allopurinol</i>	1B				
CYSTAGON CAPS	3	PA	<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Genitourinary Irrigants			<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B		Uricosurics					
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B		<i>probenecid</i>	1B				
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B		HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders					
SORBITOL 3 %	1B		Bradykinin B2 Receptor Antagonists					
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B		<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA			
Interstitial Cystitis Agents			<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA			
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)	Complement Inhibitors					
			<i>HAEGARDA SOLR SC</i>	4	PA			
Hematorheologic Agents								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits												
pentoxifylline	1B	QL(3 ea daily)	ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP												
Plasma Kallikrein Inhibitors																	
ORLADEYO	4	PA	ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA												
TAKHZYRO SOLN	4	PA	ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA												
TAKHZYRO SOSY	4	PA	DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA												
Platelet Aggregation Inhibitors																	
anagrelide hcl	1B		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA												
aspirin-dipyridamole	1B	QL(2 ea daily); PA	LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA												
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)	MIRCERA 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA												
CABLIVI	4	PA	MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA												
cilostazol	1B		PROCRIT	4	SP; PA												
clopidogrel bisulfate 300 MG	1B		PROCRIT	4	SP; PA												
clopidogrel bisulfate 75 MG	1B	QL(1 ea daily)	RETACRIT	4	PA												
dipyridamole	1B		RETACRIT	4	PA												
prasugrel hcl	1B	QL(1 ea daily)	UDENYCA SOAJ	4	PA												
ZONTIVITY	3	PA	UDENYCA SOSY	4	PA												
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			ZARXIO	4	PA												
Agents for Gaucher Disease			ZIEXTENZO	4	PA												
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA	Hematopoietic Mixtures														
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA	ferrous fumarate-folic acid	1B	QL(1 ea daily)												
miglustat	4	QL(3 ea daily); SP; PA	Iron														
Agents for Sickle Cell Disease			ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	0	AL(Up to 1 yrs old)												
DROXIA CAPS	3		ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	0													
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA	ferrous sulfate TBEC 325 MG	0													
Cobalamins			Stem Cell Mobilizers														
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	1B	QL(1 ml daily)															
Folic Acid/Folates																	
folic acid TABS	0	RX/OTC															
Hematopoietic Growth Factors																	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA	<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA	<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)			
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders								
Hemostatics - Systemic								
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA	<i>BELSOMRA</i>	3	PA			
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B		Selective Melatonin Receptor Agonists					
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B		<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS			<i>tasimelteon CAPS</i>	3	QL(1 ea daily); PA			
Barbiturate Hypnotics			LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs					
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B		Bulk Laxatives					
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1B		<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B				
Hypnotics - Tricyclic Agents			Laxative Combinations					
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B				
Non-Barbiturate Hypnotics			<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0				
<i>estazolam</i>	1B		<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA			
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B				
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA	Laxatives - Miscellaneous					
<i>quazepam</i>	3	PA	<i>lactulose SOLN</i>	1B				
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Saline Laxatives					
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>OSMOPREP</i>	3	PA			
<i>triazolam</i>	1B		Stimulant Laxatives					
<i> zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>bisacodyl SUPP</i>	1A				
<i> zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>bisacodyl TBEC</i>	1A				
Surfactant Laxatives								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST	
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Migraine Combinations			
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	
PHARMACIST CHOICE ULTRA THIN LANCETS 33G	1B	QL(6.6667 ea daily); RX/OTC	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	
SELECT LANCETS	1B	6.66/day	Migraine Products			
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B		<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B		
Parenteral Therapy Supplies			<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)	
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	
TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM	1B	QL(5 ea daily); RX/OTC	Serotonin Agonists			
ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS CONTAIN	1B	QL(5 ea daily)	<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	ISOLYTE-S	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>lactated ringer's</i>	1B	
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>			NORMOSOL-M/D5W	1B	
Bicarbonates			NORMOSOL-R	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B	
			PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1B	
			<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
			<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %</i>	1B		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/L ACTATED RINGERS	1B		Sodium		
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1B		<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B	
ringer's	1B		<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>		
Fluoride			Chelating Agents		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
Magnesium			<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B		<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Phosphate			Immunomodulators		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	6	QL(1 ea daily); PA
Potassium			<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		<i>REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	6	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>REVLIMID 20 MG</i>	6	QL(1 ea daily); PA
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>THALOMID</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		Immunosuppressive Agents		
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>ATGAM</i>	4	SP; PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>AZATHIOPRINE</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B		<i>azathioprine TABS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
			<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
			<i>ENSPRYNG</i>	4	PA
			<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B				
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B				
<i>mycophenolate sodium</i>	1B				
NULOJIX	4	SP; PA			
PROGRAF PACK	2	PA			
PROGRAF SOLN	2				
SIMULECT	3				
<i>sirolimus TABS</i>	1B				
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B				
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA			
Irrigation Solutions					
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B				
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B				
<i>ringer's irrigation</i>	1B				
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B				
Lymphatic Agents					
SYLVANT	6	PA			
Potassium Removing Agents					
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA			
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B				
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B				
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS					
Anesthetics Topical Oral					
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)			
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B				
Anti-infectives - Throat					
<i>clotrimazole</i>	1B				
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B				
Antiseptics - Mouth/Throat					
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B				
DEBACTEROL	2				
Dental Products					
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC			
Steroids - Mouth/Throat/Dental					
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B				
Throat Products - Misc.					
<i>cevimeline hcl</i>	1B				
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B				
MULTIVITAMINS					
Ped MV w/ Fluoride					
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC			
Prenatal Vitamins					
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)			
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)			
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)			
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC			
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)	
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>			
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<b>Central Muscle Relaxants</b>			
PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)	<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B		
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>carisoprodol TABS</i>	1B		
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
<b>Direct Muscle Relaxants</b>				<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
				<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
				<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
				<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
				<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
				<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
				<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>					
Nasal Antiallergy					
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC	<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%</i>	3	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B		<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%</i>	3	
Nasal Anticholinergics					
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B		<i>CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%</i>	3	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)	<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
Nasal Steroids					
<i>budesonide (nasal)</i>	1B		Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill	<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC	<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC	<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B		<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA	<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>					
ALS Agents					
<i>riluzole TABS</i>	3		<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins			<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
XEOMIN	3	PA	Miotics		
Nondepolarizing Muscle Relaxants			<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA	Ophthalmic Adrenergic Agents		
NUTRIENTS			<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
Proteins			<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
			<i>IOPIDINE</i>	3	
			Ophthalmic Anti-infectives		
			<i>AZASITE</i>	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
			<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
			<i>BESIVANCE</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	1B		LOTEMAX OINT	3	PA
erythromycin (ophth)	1B		loteprednol etabonate GEL	1B	PA
gatifloxacin (ophth)	1B		loteprednol etabonate SUSP	1B	PA
gentamicin sulfate (ophth) OINT	1B		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
gentamicin sulfate (ophth) SOLN	1B		neomycin-polymyxin-dexameth OINT	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)	neomycin-polymyxin-dexameth SUSP	1B	
levofloxacin (ophth) 0.5 %	1B		neomycin-polymyxin-hc (ophth)	1B	QL(2.5 ml daily)
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	1B		PRED MILD	3	PA
NATACYN	2		PRED-G SUSP	3	PA
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	1B		prednisolone acetate (ophth)	1B	
ofloxacin (ophth)	1B		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
polymyxin b-trimethoprim	1B		sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	3	PA
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	1B		tobramycin-dexamethasone SUSP	1B	
tobramycin (ophth) SOLN	1B		ZYLET	3	PA
trifluridine	1B		Ophthalmics - Misc.		
ZIRGAN GEL	2		ALOCRIL	3	PA
Ophthalmic Immunomodulators			ALOMIDE	3	PA
cyclosporine (ophth) EMUL	3	PA	azelastine hcl (ophth)	1B	
Ophthalmic Local Anesthetics			bepotastine besilate	3	PA
proparacaine hcl	1B		brinzolamide	1B	
Ophthalmic Steroids			bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	1B	
ALREX SUSP	3	PA	cromolyn sodium (ophth)	1B	
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	1B	QL(0.4 ml daily)	CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
difluprednate	1B	PA	diclofenac sodium (ophth)	1B	
fluorometholone (ophth) SUSP	1B		dorzolamide hcl	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA	epinastine hcl (ophth)	1B	
FML OINT	3	PA	flurbiprofen sodium	1B	
			ketorolac tromethamine (ophth)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B		Immune Serums					
LASTACRAFT	3	PA	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA			
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA			
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA			
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA			
Prostaglandins - Ophthalmic			GAMUNEX-C	4	SP; PA			
<i>bimatoprost SOLN</i>	3		Passive Immunizing Agents - Combinations					
<i>latanoprost SOLN</i>	1B		HYQVIA	4	PA			
<i>tafluprost</i>	1B		PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections					
<i>travoprost SOLN</i>	1B		Aminopenicillins					
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear								
Otic Agents - Miscellaneous								
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)	<i>amoxicillin CAPS</i>	1A				
Otic Anti-infectives			<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B				
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B		<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A				
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B		<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B				
Otic Combinations			<i>amoxicillin TABS</i>	1B				
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA	<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B				
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA	<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B				
CORTISPORIN-TC	3		Natural Penicillins					
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B				
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B		PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B				
Otic Steroids			PENICILLIN G PROCAINE	3				
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B		<i>penicillin g sodium</i>	3				
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B							
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B		<i>disulfiram</i>	1B				
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B		<i>LUCEMYRA</i>	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA			
<b>Penicillin Combinations</b>								
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B		<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)			
<b>Penicillinase-Resistant Penicillins</b>								
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B		<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B				
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>								
<b>Progestins</b>								
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A		<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B				
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B		<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA	<b>Fibromyalgia Agents</b>					
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0		<i>SAVELLA TITRATION PACK MISC</i>	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA			
<i>progesterone CAPS</i>	1B		<i>SAVELLA TABS</i>	2	QL(2 ea daily); PA			
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>								
<b>Agents for Chemical Dependency</b>								
<i>acamprosate calcium</i>	1B		<i>AUSTEDO TABS</i>	4	QL(4 ea daily); PA			
			<i>INGREZZA CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA			
			<i>INGREZZA CPPK</i>	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
tetrabenazine	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>pregabalin (once-daily)</i> 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA	
Multiple Sclerosis Agents						
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA	
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); PA	Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.			
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B		
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>pimozide</i>	1B		
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)	Smoking Deterrents			
<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)	
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0		
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0		
KESIMPTA	6	QL(0.0144 ml daily); PA	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0		
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)	
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL INHALER INHA	0		
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0		
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0		
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA	Transthyretin Amyloidosis Agents			
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	TEGSEDI	4	PA	
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions			
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents						
<i>pregabalin (once-daily)</i> 330 MG	3	QL(2 ea daily); PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)			
			PROLASTIN-C SOLN	4	PA	
			PROLASTIN-C SOLR	4	PA	
Cystic Fibrosis Agents						
			KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA	<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B	
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA	<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
Pleural Sclerosing Agents			<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP	6	PA	<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
STERILE TALC POWDER SUSR	6	PA	<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Pulmonary Fibrosis Agents			<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA	<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>pirfenidone CAPS</i>	4		THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA	Antithyroid Agents		
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4		<i>methimazole TABS</i>	1B	
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>propylthiouracil</i>	1B	
Sulfonamides			Thyroid Hormones		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B		<i>ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>ARMOUR THYROID TABS</i>	2	QL(1 ea daily)
Fluorocyclines			<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
XERAVA	4	PA	<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
Glycylcyclines			<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
<i>tigecycline</i>	1B		<i>NP THYROID 120 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Tetracyclines			<i>NP THYROID 15 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B		<i>NP THYROID 30 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B		<i>NP THYROID 60 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>NP THYROID 90 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
			<i>SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)</i>	2	
TOXOIDS					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Toxoid Combinations					
ADACEL SUSP	0		<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
BOOSTRIX SUSP	0		Misc. Anti-Ulcer		
BOOSTRIX SUSY	0		<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
KINRIX SUSY	0		<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
QUADRACEL SUSP	0		Proton Pump Inhibitors		
QUADRACEL SUSY	0		<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions					
Antispasmodics					
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/ML</i>	1B		<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
H-2 Antagonists					
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		<i>rabeprozole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)	Ulcer Therapy Combinations		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC	<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>nizatidine CAPS</i>	1B				
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits		
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply		
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>							
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)							
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)	VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply		
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	<b>Viral Vaccines</b>				
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B		ABRYSVO	0	AL(At least 60 yrs old)		
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply		
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply		
<i>solifenacain succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply		
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply		
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply		
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply		
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	AREXVY	0	AL(At least 60 yrs old)		
<b>Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists</b>			COMIRNATY 2023-24 SUSP	0			
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	COMIRNATY 2023-24 SUSY	0			
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B		COMIRNATY SUSP	0			
<b>Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants</b>							
<i>flavoxate hcl</i>	1B						
<b>VACCINES</b>							
Bacterial Vaccines							
<i>BCG VACCINE</i>	6	PA					
<i>MENACTRA</i>	0						
<i>MENQUADFI</i>	0						
<i>MENVEO SOLR</i>	0						
<i>PNEUMOVAX 23</i>	0						
<i>PNEUMOVAX 23/1 DOSE</i>	0						
<i>PREVNAR 13</i>	0						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	IPOL INACTIVATED IPV	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
HAVRIX	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
			PREHEVBRIOD	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
RECOMBIVAX HB SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)			
RECOMBIVAX HB SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>metronidazole vaginal</i>	1B				
ROTARIX SUSP	0		<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B				
ROTARIX SUSR	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B				
ROTATEQ SOLN	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B				
Vaginal Contraceptive - pH Modulators								
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)	PHEXXI	0	PV			
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		Vaginal Estrogens					
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0		<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)			
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B				
TWINRIX SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	FEMRING	3	PA			
VAQTA	0	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)			
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions					
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS								
Miscellaneous Vaginal Products								
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA	<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)			
Spermicides			<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail)			
TODAY SPONGE MISC	0		Vasopressors					
Vaginal Anti-infectives			<i>midodrine hcl</i>	1B				
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B		VITAMINS					
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B		Oil Soluble Vitamins					
			<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A				
			<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

## INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	34	acyclovir CAPS .....	35	AIMOVIG .....	56
abacavir sulfate TABS .....	34	acyclovir SUSP .....	35	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	54
abacavir sulfate-lamivudine .....	34	acyclovir TABS OR .....	35	AKYNZEO .....	17
ABELCET .....	18	acyclovir topical CREA .....	43	albendazole .....	7
abiraterone acetate 250 MG .....	26	acyclovir topical OINT .....	43	albuterol sulfate AERS .....	9
abiraterone acetate 500 MG .....	26	ADACEL SUSP .....	67	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	9
ABRAXANE .....	31	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	9
ABRYSVO .....	68	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	albuterol sulfate SYRP .....	9
acamprosate calcium .....	64	adapalene CREA .....	41	albuterol sulfate TABS .....	9
acarbose .....	15	adapalene GEL 0.1 % .....	41	alclometasone dipropionate CREA .....	43
acebutolol hcl CAPS .....	36	adapalene GEL 0.3 % .....	41	alclometasone dipropionate OINT .....	44
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	41	ALDURAZYME .....	49
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	25	ALECENSA .....	28
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	35	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	48
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	ADEMPAS .....	38	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	48
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG .....	6	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG .....	66	ALFERON N .....	30
acetazolamide CP12 .....	47	AFINITOR DISPERZ TBSO (everolimus) .....	28	alfuzosin hcl .....	51
acetazolamide sodium .....	47	AFINITOR TABS (everolimus) .....	28	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium) .....	24
acetazolamide TABS 125 MG .....	47	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP .....	68	ALIMTA SOLR 500 MG (pemetrexed disodium) .....	24
acetazolamide TABS 250 MG .....	47	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	68	ALINIA SUSR .....	21
acetic acid (otic) .....	63	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	68	ALIQOPA .....	28
acetic acid 0.25 % .....	51	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	68	aliskiren fumarate .....	21
acetylcysteine SOLN .....	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	68	ALKERAN (melphalan hcl) .....	23
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	68	ALKERAN (melphalan) .....	23
acitretin 25 MG .....	43	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	68	allopurinol .....	51
ACTHAR .....	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	68	almotriptan malate 12.5 MG .....	56
ACTIMMUNE .....	30				

almotriptan malate 6.25 MG .....	56	amiloride hcl TABS .....	47	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG .....	1
ALOCRIL .....	62	aminocaproic acid TABS .....	53		
alogliptin benzoate .....	16	aminophylline SOLN .....	10		
alogliptin-metformin hcl .....	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG .....	1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG .....	15	amiodarone hcl TABS .....	8		
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15	amitriptyline hcl TABS .....	14	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
ALOMIDE .....	62	amlodipine besylate TABS .....	36		
alosetron hcl .....	50	amlodipine besylate-atorvastatin calcium .....	37	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG .....	1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG .....	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20 .....	20		
alprazolam TABS 2 MG .....	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil .....	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
alprazolam TB24 .....	8	amlodipine besylate-valsartan .....	20		
alprazolam TBDP .....	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide .....	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
ALREX SUSP .....	62	amoxapine .....	14		
ALTABAX .....	42	amoxicillin & pot clavulanate CHEW ..	64	amphotericin b IV .....	18
ALUNBRIG TABS .....	28	amoxicillin & pot clavulanate SUSR ..	64	amphotericin b liposome .....	18
ALUNBRIG TBPK .....	28	amoxicillin & pot clavulanate TABS ..	64	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM .....	64
ALVESCO .....	9	alvimopan .....	51	ampicillin CAPS 500 MG .....	63
amantadine hcl CAPS .....	32	amoxicillin & pot clavulanate TB12 ..	64	ampicillin sodium IJ 1 GM .....	63
amantadine hcl SOLN .....	32	amoxicillin CAPS .....	63	anagrelide hcl .....	52
amantadine hcl TABS .....	32	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG ..	63	anastrozole .....	26
ambrisentan .....	37	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML .....	63	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR .....	7
amcinonide CREA .....	44	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML .....	63	ANNOVERA .....	39
amcinonide LOTN .....	44	amoxicillin TABS .....	63	ANORO ELLIPTA .....	9
amcinonide OINT .....	44	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK .....	67	ANZEMET TABS 50 MG .....	17
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML .....	2			APIDRA SOLN .....	16
amiloride & hydrochlorothiazide ..	47			APIDRA SOLOSTAR SOPN .....	16

apomorphine hydrochloride SOCT	32	asenapine maleate 2.5 MG .....	33	AYVAKIT .....	27
apraclonidine hcl .....	61	asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	33	azacitidine SUSR .....	24
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17	ASPARLAS .....	30	AZASITE .....	61
aprepitant CAPS 80 MG .....	17	aspirin CHEW .....	4	AZATHIOPRINE .....	58
aprepitant CAPS .....	17	aspirin TABS 325 MG .....	4	azathioprine TABS .....	58
aprepitant MISC .....	17	aspirin TBEC 325 MG .....	4	AZEDRA DOSIMETRIC .....	30
APTIOM .....	11	aspirin TBEC 81 MG .....	4	AZEDRA THERAPEUTIC .....	30
APTIVUS CAPS .....	34	aspirin-dipyridamole .....	52	azelaic acid GEL .....	46
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML .....	52	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG .....	34	azelastine hcl (ophth) .....	62
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML .....	52	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	34	azelastine hcl .....	61
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML .	52	atenolol & chlorthalidone .....	20	AZELEX .....	41
ARCALYST .....	3	atenolol TABS .....	36	azithromycin PACK .....	54
AREXVY .....	68	ATGAM .....	58	azithromycin SOLR .....	54
arformoterol tartrate .....	9	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG .....	1	azithromycin SUSR .....	54
ARIKAYCE .....	2	atorvastatin calcium TABS .....	19	azithromycin TABS 250 MG .....	54
ARIMIDEX (anastrozole) .....	26	atovaquone .....	21	azithromycin TABS 500 MG .....	54
ariPIPRAZOLE SOLN OR .....	33	atovaquone-proguanil hcl .....	22	aztreonam 1 GM .....	22
ariPIPRAZOLE TABS .....	34	atracurium besylate 100 MG/10ML 61		bacitracin (ophthalmic) .....	61
armodafinil .....	1	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML .....	67	bacitracin .....	21
ARMOUR THYROID TABS .....	66	1 MG/ML .....	67	baclofen TABS 10 MG, 20 MG ....	60
ARNUITY ELLIPTA .....	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML .....	67	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) .....	38
AROMASIN (exemestane) .....	26	ATROVENT HFA .....	8	balsalazide disodium CAPS .....	50
ARRANON (nelarabine) .....	24	AUSTEDO TABS .....	64	BALVERSA .....	28
arsenic trioxide 10 MG/10ML .....	30	AVASTIN 100 MG/4ML .....	25	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
arsenic trioxide 12 MG/6ML .....	30	AVONEX PEN AJKT .....	65	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
ARZERRA .....	25	AVONEX PSKT .....	65	BARACLUDE SOLN .....	35
ascorbic acid SOLN IJ .....	72			BASAGLAR KWIKPEN SOPN ....	16

BAVENCIO .....	25	BESIVANCE .....	61	bisacodyl SUPP .....	53
BAXDELA SOLR .....	50	BESPONSA .....	25	bisacodyl TBEC .....	53
BAXDELA TABS .....	50	betaine .....	49	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	20
BCG VACCINE .....	68	betamethasone dipropionate (topical)		bisoprolol fumarate .....	36
BELEODAQ .....	28	CREA .....	44	BLENREP .....	25
BELRAPZO SOLN .....	23	betamethasone dipropionate (topical)		bleomycin sulfate 15 UNIT .....	27
BELSOMRA .....	53	LOTN .....	44	bleomycin sulfate 30 UNIT .....	27
benazepril & hydrochlorothiazide		betamethasone dipropionate (topical)		BLINCYTO .....	25
12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ..	20	OINT .....	44	BONJESTA TBCR .....	17
benazepril & hydrochlorothiazide		betamethasone dipropionate		BOOSTRIX SUSP .....	67
12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20	augmented CREA .....	44	BOOSTRIX SUSY .....	67
benazepril hcl .....	19	betamethasone dipropionate		BORTEZOMIB SOLN .....	28
bendamustine hcl SOLR .....	23	augmented LOTN .....	44	BORTEZOMIB SOLR IJ 1 MG, 2.5	
BENDAMUSTINE		betamethasone dipropionate		MG .....	28
HYDROCHLORIDE SOLN .....	23	augmented OINT .....	44	bortezomib SOLR IJ .....	28
BENDEKA SOLN .....	23	betamethasone valerate CREA ..	44	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	28
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .		betamethasone valerate FOAM ..	44	bosentan TABS 125 MG .....	37
41		betamethasone valerate LOTN ..	44	bosentan TABS 62.5 MG .....	37
benzonatate 100 MG .....	40	betamethasone valerate OINT ..	44	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG ..	28
benzonatate 150 MG .....	40	BETASERON KIT .....	65	BOSULIF TABS 400 MG .....	28
benzonatate 200 MG .....	40	betaxolol hcl (ophth) SOLN .....	61	BRAFTOVI 75 MG .....	28
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %		betaxolol hcl .....	36	BREO ELLIPTA .....	9
.....	41	bethanechol chloride 25 MG .....	68	BREZTRI AEROSPHERE .....	9
benzoyl peroxide GEL 10 % .....	41	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG,		BEVESPI AEROSPHERE .....	9
benzoyl peroxide GEL 5 % .....	41	50 MG .....	68	brimonidine tartrate (topical) ..	46
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....	41	bexarotene (topical) .....	42	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % ..	61
benzoyl peroxide-erythromycin GEL .		bexarotene .....	30	brimonidine tartrate-timolol maleate ..	
41		bicalutamide .....	26	61	
benztropine mesylate SOLN .....	32	BICNU (carmustine) .....	23	brinzolamide .....	62
benztropine mesylate TABS .....	32	BIKTARVY .....	34	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	11
bepotastine besilate .....	62	bimatoprost SOLN .....	63	BRIVIACT TABS .....	11

bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	.62	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	.....8	calcitonin (salmon) NA	.....48
bromocriptine mesylate CAPS	....32	busulfan SOLN	.....23	calcitriol (topical)	.....43
bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	.....32	BUSULFEX SOLN (busulfan)	....23	calcitriol CAPS	.....49
BRUKINSA	.....28	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	.....4	calcitriol SOLN IV	.....49
budesonide (inhalation) SUSP	....9	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	....4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	.....51
budesonide (intrarectal)	.....7	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	.....4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	.....51
budesonide (nasal)	.....61	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	.....4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	57
budesonide CPEP	.....39	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	.....6	calcium polycarbophil TABS	.....53
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	.....10	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	.....4	CALQUENCE	.....28
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	....47	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	.....6	CAMCEVI	.....26
bumetanide TABS	.....47	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	.....6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	.....31
buprenorphine hcl SOLN	.....6	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	....4	CAMPTOSAR 40 MG/2ML, 100 MG/5ML (irinotecan hcl)	.....32
buprenorphine hcl SUBL	.....6	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	....6	candesartan cilexetil	.....20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG	.....6	butenafine hcl	.....42	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	.....20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 2 MG-8 MG, 3 MG-12 MG	.....6	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	....7	CAPASTAT SULFATE	.....23
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	.....6	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	....7	capecitabine	.....24
buprenorphine PTWK	.....6	cabergoline	.....49	CAPRELSA	.....28
bupropion hcl (smoking deterrent)	65	CABLIVI	.....52	captopril 12.5 MG	.....19
bupropion hcl TABS	.....13	CABOMETYX TABS	.....28	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	..19
bupropion hcl TB12 100 MG	....13	calcipotriene CREA	.....43	CARAC CREA (fluorouracil (topical))	43
bupropion hcl TB12 150 MG	....13	calcipotriene OINT	.....43	carbamazepine CHEW	.....12
bupropion hcl TB12 200 MG	....13	calcipotriene SOLN	.....43	carbamazepine CP12 100 MG	....12
bupropion hcl TB24 150 MG	....13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	.....44	carbamazepine CP12 200 MG	....12
bupropion hcl TB24 300 MG	....13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	.....44	carbamazepine CP12 300 MG	....12
buspirone hcl 5 MG	.....8			carbamazepine SUSP	.....12
				carbamazepine TABS	.....12

carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	12	cefdinir SUSR .....	38	bromide .....	67
carbamazepine TB12 200 MG .....	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM .....	38	chlordiazepoxide-amitriptyline .....	64
carbidopa .....	32	cefixime CAPS .....	38	chlorhexidine gluconate (mouth-throat) .....	59
carbidopa-levodopa TABS .....	32	cefixime SUSR .....	38	chloroquine phosphate TABS 250 MG .....	22
carbidopa-levodopa TBCR .....	32	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM .....	38	chloroquine phosphate TABS 500 MG .....	22
carbidopa-levodopa TBDP .....	32	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM .....	38	chlorpromazine hcl SOLN .....	33
carbidopa-levodopa-entacapone .....	32	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM .....	38	chlorpromazine hcl TABS .....	33
carbinoxamine maleate SOLN .....	18	cefpodoxime proxetil SUSR .....	38	chlorthalidone 25 MG, 50 MG .....	47
carbinoxamine maleate TABS 4 MG .....	18	cefpodoxime proxetil TABS .....	38	chlorzoxazone TABS 500 MG .....	60
carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML, 600 MG/60ML .....	23	cefprozil SUSR .....	38	CHOLBAM .....	50
carboplatin SOLN 50 MG/5ML .....	23	cefprozil TABS .....	38	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT .....	71
carisoprodol TABS .....	60	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM .....	38	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT .....	71
carmustine .....	23	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG .....	38	cholestyramine light PACK .....	19
carteolol hcl (ophth) .....	61	ceftriaxone sodium IJ 250 MG .....	38	cholestyramine light POWD .....	19
carvedilol .....	36	cefuroxime axetil TABS .....	38	cholestyramine PACK .....	19
carvedilol phosphate .....	36	cefuroxime sodium IJ 750 MG .....	38	cholestyramine POWD .....	19
CASODEX (bicalutamide) .....	26	cephalexin CAPS .....	38	choline fenofibrate .....	19
caspofungin acetate .....	18	cephalexin SUSR .....	38	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	
CAYA DPRH .....	54	CERDELGA .....	52	48	
cefaclor CAPS .....	38	CEREZYME 400 UNIT .....	52	ciclopirox GEL .....	42
cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML .....	38	cetirizine hcl TABS .....	18	ciclopirox olamine CREA .....	42
cefadroxil CAPS .....	38	cevimeline hcl .....	59	ciclopirox olamine SUSP .....	42
cefadroxil SUSR .....	38	CHEMET .....	17	ciclopirox SHAM .....	42
cefadroxil TABS .....	38	CHEMSTRIP-K STRP .....	46	ciclopirox SOLN .....	42
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG .....	38	chloramphenicol sodium succinate .....	21	cidofovir .....	35
cefdinir CAPS .....	38	chlordiazepoxide hcl CAPS .....	8	cilostazol .....	52
		chlordiazepoxide hcl-clidinium .....			

CIMDUO .....	34	CLIMARA PRO .....	49	0.05 % .....	44
cimetidine TABS .....	67	clindamycin hcl .....	22	clobetasol propionate FOAM .....	44
cinacalcet hcl .....	49	clindamycin palmitate hydrochloride ..	22	clobetasol propionate GEL 0.05 % ..	44
CIPRO SUSR .....	50	clindamycin phosphate (topical) .....	41	clobetasol propionate OINT 0.05 % ..	44
ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN .....	62	FOAM .....	41	clobetasol propionate SOLN 0.05 % ..	44
ciprofloxacin hcl (otic) .....	63	clindamycin phosphate (topical) GEL ..	41	clocortolone pivalate .....	44
ciprofloxacin hcl TABS .....	50	41		clofarabine .....	24
ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML .....	50	clindamycin phosphate (topical) .....	41	CLOLAR (clofarabine) .....	24
ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML .....	50	LOTN .....	41	clomiphene citrate TABS .....	48
ciprofloxacin-dexamethasone .....	63	clindamycin phosphate (topical) .....	41	clomipramine hcl .....	14
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide ..	63	SWAB .....	41	clonazepam TABS .....	11
cisplatin SOLN 100 MG/100ML .....	23	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	22	clonidine .....	20
cisplatin SOLN 50 MG/50ML, 200 MG/200ML .....	23	clindamycin phosphate vaginal CREA .....	71	clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1
CISPLATIN SOLR .....	23	71		clonidine hcl TABS .....	20
citalopram hydrobromide SOLN .....	13	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	41	clopidogrel bisulfate 300 MG .....	52
citalopram hydrobromide TABS 10 MG .....	13	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	41	clopidogrel bisulfate 75 MG .....	52
citalopram hydrobromide TABS 20 MG .....	13	clindamycin phosphate-tretinoin .....	41	clorazepate dipotassium TABS .....	8
citalopram hydrobromide TABS 40 MG .....	13	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% .....	61	clotrimazole (topical) CREA .....	42
cladribine 10 MG/10ML .....	24	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% .....	61	clotrimazole (topical) SOLN .....	42
clarithromycin SUSR .....	54	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% .....	61	clotrimazole .....	59
clarithromycin TABS .....	54	clobazam SUSP .....	11	clotrimazole vaginal CREA 1 % .....	71
clarithromycin TB24 .....	54	clobazam TABS .....	11	clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	42
CLASSIC PRENATAL TABS .....	59	clobetasol propionate CREA 0.05 % ..	44	clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	42
clemastine fumarate SYRP .....	18	44		clozapine TABS .....	33
clemastine fumarate TABS 2.68 MG ..	18	clobetasol propionate emollient base .....	33	clozapine TBDP 100 MG .....	33
				clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG .....	33
				clozapine TBDP 25 MG .....	33

COARTEM .....	22	cromolyn sodium (ophth) .....	62	cyproheptadine hcl TABS .....	19
codeine sulfate TABS 30 MG .....	4	cromolyn sodium NEBU .....	8	CYRAMZA .....	25
CODEINE SULFATE TABS .....	5	crotamiton LOTN .....	46	CYSTAGON CAPS .....	51
colchicine TABS .....	51	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-		CYSTARAN .....	62
colchicine w/ probenecid .....	51	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	59	cytarabine SOLN 20 MG/ML .....	24
colesevelam hcl PACK .....	19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML .....	52	cytarabine SOLN .....	24
colesevelam hcl TABS .....	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG .....	60	dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG .....	11
colestipol hcl GRAN .....	19	cyclophosphamide CAPS .....	23	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11	
colestipol hcl PACK .....	19	cyclophosphamide SOLN 1 GM/5ML, 500 MG/2.5ML .....	23	dacarbazine SOLR 100 MG .....	30
COMETRIQ KIT .....	28	CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN ...	23	dacarbazine SOLR 200 MG .....	30
COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	68	COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	68	DACOGEN (decitabine) .....	24
COMIRNATY SUSP .....	68	CYCLOPHOSPHAMIDE SOLR IJ .....	23	dactinomycin .....	27
COMPLERA .....	34	cycloserine .....	23	dalfampridine .....	65
CONTRAVE .....	1	cyclosporine (ophth) EMUL .....	62	danazol CAPS .....	7
COPIKTRA .....	28	cyclosporine CAPS .....	58	dantrolene sodium CAPS .....	60
CORDRAN TAPE .....	44	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS .....	58	dapsone .....	22
CORLANOR SOLN .....	38	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN .....	58	daptomycin 500 MG .....	21
CORLANOR TABS .....	38	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	58	darifenacin hydrobromide .....	68
CORTISPORIN-TC .....	63	CYLTEZO AJKT .....	3	darunavir TABS 600 MG .....	34
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ .....	43	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML .....	3	darunavir TABS 800 MG .....	34
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ..	43	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML .....	3	DARZALEX .....	25
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	43	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT .....	3	DARZALEX FASPRO .....	28
COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	43	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT .....	3	daunorubicin hcl SOLN .....	27
COSMEGEN (dactinomycin) ..	27	cyproheptadine hcl SYRP .....	19	DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN (daunorubicin hcl) .....	27
COTELLIC .....	28			DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN .....	27
CREON CPEP .....	47			DAURISMO .....	26
CRESEMBA CAPS 186 MG .....	18			DEBACTEROL .....	59

decitabine .....	24	desonide CREA .....	44	dextrose in lactated ringers .....	57
deferasirox PACK .....	17	desonide LOTN .....	44	DIACOMIT CAPS 250 MG .....	12
deferasirox TABS .....	17	desonide OINT .....	44	DIACOMIT CAPS 500 MG .....	12
deferasirox TBSO .....	17	desoximetasone CREA 0.25 % .....	44	DIACOMIT PACK 250 MG .....	12
deferiprone TABS 500 MG .....	17	desoximetasone GEL .....	44	DIACOMIT PACK 500 MG .....	12
deflazacort TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG .....	40	desoximetasone OINT 0.25 % .....	44	diazepam (anticonvulsant) GEL .....	11
DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate) .....	49	desvenlafaxine succinate 100 MG .....	14	diazepam CONC .....	8
DELSTRIGO .....	34	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG .....	14	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML .....	8
demeocycline hcl TABS .....	66	dexamethasone ELIX .....	40	diazepam TABS .....	8
DEPO-ESTRADIOL .....	49	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC .....	40	diazoxide .....	15
DEPO-MEDROL SUSP .....	40	dexamethasone sodium phosphate (ophth) .....	62	dichlorphenamide .....	47
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC .....	39	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML .....	40	diclofenac epolamine PTCH EX .....	42
desipramine hcl TABS .....	14	dexamethasone SOLN .....	40	diclofenac potassium TABS 50 MG .....	3
desloratadine TABS .....	18	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG .....	40	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX .....	43
desloratadine TBDP 2.5 MG .....	18	dexamethasone acetate SOLN IJ .....	49	diclofenac sodium (ophth) .....	62
desmopressin acetate SOLN IJ .....	49	dexamethasone acetate spray .....	49	diclofenac sodium (topical) GEL EX 42	
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA .....	49	deschlorpheniramine maleate SOLN .....	18	diclofenac sodium TB24 .....	3
desmopressin acetate spray .....	49	dexlansoprazole .....	67	diclofenac sodium TBEC .....	3
desmopressin acetate spray refrigerated .....	49	dexmethylphenidate hcl CP24 .....	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC .....	3
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 49		dexmethylphenidate hcl TABS .....	1	dicloxacillin sodium .....	64
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 49		dexrazoxane hcl .....	31	dicyclomine hcl CAPS .....	67
desogestrel & ethinyl estradiol .....	38	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG .....	1	dicyclomine hcl SOLN OR .....	67
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) .....	38	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG .....	1	dicyclomine hcl TABS .....	67
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) .....	39	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG .....	1	DIFFERIN LOTN .....	41
				DIFICID TABS .....	54
				diflorasone diacetate CREA .....	44
				diflorasone diacetate OINT .....	44
				dilunisal TABS .....	4
				difluprednate .....	62

digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	37	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	MG .....	64
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	37	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG	64
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	56	diphenoxylate w/ atropine LIQD	17	DOPTELET .....	52
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	56	diphenoxylate w/ atropine TABS	17	dorzolamide hcl .....	62
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	dipyridamole .....	52	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	61
DILANTIN .....	13	disopyramide phosphate CAPS .....	8	DOVATO .....	34
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	disulfiram .....	64	doxazosin mesylate .....	20
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin)	13	divalproex sodium TB24 .....	13	doxepin hcl (antipruritic) .....	43
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	36	divalproex sodium TBEC .....	13	doxepin hcl (sleep) .....	53
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	36	docetaxel CONC 20 MG/ML .....	31	doxepin hcl CAPS .....	14
diltiazem hcl CP12 .....	36	DOCETAXEL CONC 20 MG/ML .....	31	doxepin hcl CONC .....	14
diltiazem hcl CP24 .....	36	docetaxel CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML .....	31	doxercalciferol CAPS .....	49
diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	36	DOCETAXEL CONC 80 MG/4ML, 160 MG/8ML .....	31	doxercalciferol SOLN .....	49
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	36	DOCETAXEL SOLN 20 MG/2ML (docetaxel) .....	31	DOXIL (doxorubicin hcl liposomal) 27	
DILTIAZEM HCL SOLR .....	36	docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	31	doxorubicin hcl liposomal .....	27
diltiazem hcl TABS .....	36	DOCETAXEL SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML (docetaxel) .....	31	doxorubicin hcl SOLN .....	27
diltiazem hcl TB24 .....	36	docetaxel SOLN 80 MG/8ML, 160 MG/16ML .....	31	doxorubicin hcl SOLR 50 MG .....	27
dimethyl fumarate CDPK .....	65	docusate calcium .....	54	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	66
dimethyl fumarate CPDR .....	65	docusate sodium CAPS 100 MG ..	54	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	66
DIPENTUM .....	50	docusate sodium CAPS 250 MG ..	54	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG .....	66
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG	18	dofetilide .....	8	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG .....	66
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	64	doxycycline hyclate CAPS .....	66
		donepezil hydrochloride TABS 5 MG ..	64	doxycycline hyclate SOLR .....	66
		donepezil hydrochloride TBDP 10		doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	66
				doxylamine-pyridoxine TBEC .....	17

dronabinol CAPS .....	17	MG .....	26	ENBREL MINI SOCT .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol .....	39	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	ENBREL SOLN .....	4
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium .....	39	ELIQUIS TABS .....	10	ENBREL SOLR .....	4
DROXIA CAPS .....	52	ELITEK .....	31	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4
DUAVEE .....	49	ELLA .....	39	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14	ELLENCE SOLN 200 MG/100ML .	27	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4
duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14	ELLENCE SOLN 50 MG/25ML ....	27	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ..	69
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	54	ELMIRON CAPS .....	51	ENGERIX-B SUSY .....	69
dutasteride .....	51	ELZONRIS .....	30	ENHERTU .....	25
dutasteride-tamsulosin hcl .....	51	EMCYT .....	26	exoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	10
econazole nitrate CREA .....	42	EMFLAZA SUSP .....	40	exoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	11
EDARBI .....	20	EMFLAZA TABS 6 MG, 18 MG, 30 MG, 36 MG (deflazacort) .....	40	exoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	11
EDURANT .....	34	EMGALITY SOAJ .....	56	exoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	11
efavirenz CAPS 200 MG .....	34	EMGALITY SOSY 100 MG/ML .....	56	exoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	11
efavirenz CAPS 50 MG .....	34	EMPLICITI .....	25	exoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	11
efavirenz TABS .....	34	EMSAM .....	13	ENSPRYNG .....	58
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	34	emtricitabine CAPS .....	34	entacapone .....	32
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	34	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG .....	34	entecavir TABS .....	35
EGRIFTA 2 MG .....	48	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	34	EPIDIOLEX .....	12
EGRIFTA SV .....	48	EMTRIVA SOLN .....	34	epinastine hcl (ophth) .....	62
ELAPRASE .....	49	EMVERM CHEW .....	7	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	71
electrolyte-148 .....	57	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	71
electrolyte-a .....	57	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EPIVIR HBV SOLN .....	35
ELESTRIN GEL .....	49	enalapril maleate TABS .....	19	eplerenone .....	21
eletriptan hydrobromide .....	56			EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000	
ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	26				
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45					

UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000	escitalopram oxalate TABS 10 MG	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100	
UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	13	MG/5ML, 500 MG/25ML .....	31
epoprostenol sodium .....	37	etravirine 100 MG .....	34
EQL PRENATAL FORMULA TABS		etravirine 200 MG .....	34
59	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	EUCRISA .....	46
EQUETRO 100 MG .....	32	EULEXIN .....	26
EQUETRO 200 MG .....	32	EVAMIST SOLN .....	49
EQUETRO 300 MG .....	33	everolimus (immunosuppressant)	
ERAXIS .....	18	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG .....	58
ERBITUX .....	26	everolimus TABS .....	28
ergocalciferol CAPS .....	72	everolimus TBSO .....	28
ergocalciferol SOLN OR .....	72	EVOMELA .....	23
ergoloid mesylates TABS .....	65	EVOTAZ .....	34
ERGOMAR SUBL .....	56	exemestane .....	26
ergotamine w/ caffeine TABS .....	56	EXKIVITY .....	26
ERIVEDGE .....	26	ezetimibe .....	19
ERLEADA 240 MG .....	26	ezetimibe-simvastatin .....	19
ERLEADA 60 MG .....	26	famciclovir 125 MG, 250 MG .....	35
erlotinib hcl .....	26	famciclovir 500 MG .....	35
ERTACZO .....	42	famotidine in nacl SOLN .....	67
ertapenem sodium IJ .....	21	famotidine SOLN 20 MG/2ML .....	67
erythromycin (acne aid) PADS .....	41	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200	
erythromycin (acne aid) SOLN .....	41	MG/20ML .....	67
erythromycin (ophth) .....	62	famotidine SUSR .....	67
erythromycin base CPEP .....	54	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	67
erythromycin base TABS .....	54	FANAPT .....	33
erythromycin base TBEC .....	54	FANAPT TITRATION PACK .....	33
erythromycin ethylsuccinate SUSR		FANTASY LUBRICATED MISC ..	54
54	31	FANTASY	
erythromycin ethylsuccinate TABS	54	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
escitalopram oxalate SOLN .....	13	54	
	31	FARESTON (toremifene citrate) ..	26

FARXIGA .....	16	finasteride .....	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	69
FARYDAK .....	28	fingolimod hcl .....	65	fluconazole SUSR .....	18
FASENRA PEN SOAJ .....	8	FIRDAPSE .....	23	fluconazole TABS .....	18
FASENRA SOSY .....	8	FIRMAGON .....	26	flucytosine .....	18
FC2 FEMALE CONDOM .....	54	flavoxate hcl .....	68	fludarabine phosphate SOLN .....	24
febuxostat .....	51	flecainide acetate .....	8	FLUDARABINE PHOSPHATE SOLN .....	24
felbamate SUSP .....	12	floxuridine .....	24	fludarabine phosphate SOLR .....	24
felbamate TABS 400 MG .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022 .....	69	fludrocortisone acetate TABS .....	40
felbamate TABS 600 MG .....	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	69	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	69
felodipine .....	36	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	69	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	69
FEMARA (letrozole) .....	26	FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	69	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	69
FEMCAP DEVI .....	54	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	69	FLUMIST QUADRIVALENT .....	69
FEMRING .....	71	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	69	flunisolide (nasal) 0.025 % .....	61
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG .....	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY .....	69	fluocinolone acetonide (otic) .....	63
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	69	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 44	
fenoprofen calcium TABS .....	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	69	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....	44
FENSOLVI SC .....	48	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	69	fluocinolone acetonide OIL .....	44
fentanyl citrate LPOP .....	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2024 SUSY .....	69	fluocinolone acetonide OINT .....	44
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP .....	69	fluocinolone acetonide SOLN .....	44
ferrous fumarate-folic acid .....	52	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....	69	fluocinonide CREA 0.05 % .....	45
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	52	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	69	fluocinonide emulsified base .....	45
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG .....	52	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	69	fluocinonide GEL .....	45
ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	52	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	69	fluocinonide OINT .....	45
fesoterodine fumarate .....	68	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	69	fluocinonide SOLN .....	45
FETZIMA CP24 .....	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	69	fluorometholone (ophth) SUSP .....	62
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14					

fluorouracil (topical) CREA 5 % ....43	MCG/ACT, 220 MCG/ACT .....9	FML OINT .....62
fluorouracil (topical) SOLN 2 % ....43	fluticasone propionate hfa 44	folic acid TABS .....52
fluorouracil (topical) SOLN 5 % ....43	MCG/ACT .....9	FOLOTYN (pralatrexate) .....24
fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML .....24	fluticasone propionate LOTN .....45	FOLOTYN .....24
fluorouracil 500 MG/10ML .....24	fluticasone propionate OINT .....45	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11
fluoxetine hcl CAPS 10 MG .....14	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11
fluoxetine hcl CAPS 20 MG .....14	MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11
fluoxetine hcl CAPS 40 MG .....14	MCG/ACT-50 MCG/ACT .....10	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML .11
fluoxetine hcl CPDR .....14	fluticasone-salmeterol AERO .....10	
fluoxetine hcl SOLN .....14	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	
fluoxetine hcl TABS 20 MG .....14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS .....46
fluphenazine hcl CONC .....33	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG .....14	FORA TEST N' GO
fluphenazine hcl ELIX .....33	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022 .....70	ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..46
fluphenazine hcl SOLN .....33	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023 .....70	formoterol fumarate NEBU .....10
fluphenazine hcl TABS 1 MG .....33	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024 .....70	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant)) .....48
fluphenazine hcl TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG .....33	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP .....70	FOSAMAX PLUS D .....48
flurandrenolide CREA .....45	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....70	fosamprenavir calcium TABS .....34
flurandrenolide LOTN .....45	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY .....70	fosfomycin tromethamine .....22
flurazepam hcl .....53	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....70	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide .....20
flurbiprofen sodium .....62	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....70	fosinopril sodium .....19
flurbiprofen TABS .....3	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....70	fosphenytoin sodium .....13
flutamide .....26	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....70	FOTIVDA .....28
fluticasone furoate-vilanterol .....10	FRAGMIN SOSY .....11	
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 61	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....70	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....55
fluticasone propionate CREA 0.05 % 45	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....70	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM .....55
fluticasone propionate hfa 110	FML FORTE SUSP .....62	FREESTYLE LIBRE

2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	56	2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	63	gentamicin sulfate (topical) OINT ..42
FREESTYLE LIBRE		GAMMAGARD LIQUID 30		gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....
2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	56	GM/300ML .....	63	2
FREESTYLE LIBRE		GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	63	GENVOYA .....
3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	56	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	63	34
FREESTYLE LIBRE		GAMUNEX-C .....	63	GILOTrif .....
3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	56	ganciclovir sodium SOLR .....	35	26
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	56	ganirelix acetate .....	48	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML ..
frovatriptan succinate .....	56	GARDASIL 9 SUSP .....	70	65
fulvestrant SOSY .....	26	GARDASIL 9 SUSY .....	70	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML ..
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	47	gatifloxacin (ophth) .....	62	65
furosemide TABS .....	47	GAVRETO .....	28	GLEEVEC (imatinib mesylate) ..28
FUZEON SOLR .....	34	GAZYVA .....	25	GLEOSTINE 10 MG, 40 MG, 100 MG ..
FYCOMPA TABS 2 MG .....	11	gefitinib .....	26	23
FYCOMPA TABS 4 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLN .....	24	glimepiride 1 MG, 2 MG .....
FYCOMPA TABS 6 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLR 1 GM .....	24	16
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG .....	24	glimepiride 4 MG .....
gabapentin CAPS .....	12	GEMCITABINE HYDROCHLORIDE SOLN (gemcitabine hcl) .....	24	16
gabapentin SOLN .....	12	SOLN .....	24	glipizide TABS .....
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gemfibrozil TABS .....	19	16
GALAFOLD .....	49	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....
galantamine hydrobromide CP24 ..	64	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..62		16
galantamine hydrobromide SOLN ..	64	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..62		GLUCAGEN DIAGNOSTIC ..46
galantamine hydrobromide TABS ..	64	gentamicin sulfate (topical) CREA ..42		glucagon (rdna) ..15
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML,				glyburide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....
				15
				glyburide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....
				15
				GLUCAGEN DIAGNOSTIC ..46
				glucagon (rdna) ..15
				glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....
				15
				glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....
				15
				glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..51
				glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....
				67
				glycopyrrolate TABS 1 MG .....
				67

glycopyrrolate TABS 2 MG .....	67	5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	11	MG .....	47
GLYXAMBI .....	15			hydrocodone polistirex-	
GNP PRENATAL TABS .....	59	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		chlorpheniramine polistirex SUER	.40
GNP TRUETRACK SMART SYSTEM STRP .....	46	11		hydrocodone-acetaminophen SOLN	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....	46	HEPLISAV-B SOSY .....	70	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217	
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HERCEPTIN 150 MG .....	26	MG/10ML-5 MG/10ML, 325	
granisetron hcl TABS .....	17	HERCEPTIN HYLECTA .....	28	MG/15ML-7.5 MG/15ML .....	6
GRASTEK SUBL .....	2	HERZUMA .....	26	hydrocodone-acetaminophen TABS	
griseofulvin microsize SUSP .....	18	HUMATROPE CART IJ .....	48	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300	
griseofulvin microsize TABS .....	18	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80		MG-7.5 MG .....	6
griseofulvin ultramicrosize .....	18	MG/0.8ML .....	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200	
guanfacine hcl (adhd) .....	1	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	.3	MG, 5 MG-200 MG .....	6
guanfacine hcl .....	20	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT .....	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200	
GYNAZOLE-1 .....	71	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT .....	3	MG .....	6
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ .....	3	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		hydrocortisone (intrarectal) .....	7
HADLIMA SOSY .....	3	PNKT .....	3	hydrocortisone (rectal) EX .....	7
HAEGARDA SOLR SC .....	51	HUMIRA PSKT .....	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	
HALAVEN .....	31	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC .....	16	2.5 % .....	45
halcinonide CREA .....	45	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....	16	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	
halobetasol propionate CREA .....	45	HYCAMTIN CAPS .....	32	45	
halobetasol propionate OINT .....	45	HYCAMTIN SOLR (topotecan hcl)	32	hydrocortisone (topical) OINT 1 %,	
HALOG OINT .....	45	hydralazine hcl SOLN .....	21	2.5 % .....	45
haloperidol decanoate .....	33	hydralazine hcl TABS .....	21	hydrocortisone acetate (rectal) .....	7
haloperidol lactate CONC .....	33	hydrochlorothiazide CAPS .....	47	hydrocortisone butyrate CREA ....	45
haloperidol lactate SOLN .....	33	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG		hydrocortisone butyrate OINT ....	45
haloperidol TABS .....	33			hydrocortisone w/acetic acid .....	63
HAVRIX .....	70	heparin sodium (porcine) SOLN IJ	47	hydromorphone hcl LIQD .....	5
HEMANGEOL SOLN OR .....	36			hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50	

hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	28	INLYTA .....	25
hydromorphone hcl TABS .....5	IDHIFA .....	29	INQOVI .....	28
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...5	IFEX SOLR (ifosfamide) .....	23	INREBIC .....	29
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....5	IFEX SOLR .....	23	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16	
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML ....	23	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16	
hydroxyurea .....	ifosfamide SOLN 3 GM/60ML ....	23	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART	
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..8	ifosfamide SOLR .....	23	FLEXPEN SUPN .....	16
hydroxyzine hcl SYRP .....	imatinib mesylate .....	29	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP .....	16
hydroxyzine hcl TABS .....	IMBRUVICA CAPS 140 MG .....	29	INSULIN ASPART SOLN IJ .....16	
hydroxyzine pamoate CAPS .....	IMBRUVICA SUSP .....	29	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....	16
HYPERSAL NEBU .....	IMBRUVICA TABS .....	29	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....16	
HYQVIA .....	IMFINZI .....	25	INTELENCE 25 MG .....	34
ibandronate sodium SOLN .....	imipenem-cilastatin IV .....	21	INTRAROSA .....	71
ibandronate sodium TABS .....	imipramine hcl TABS .....	14	INTRON A SOLR 10000000 UNIT, 50000000 UNIT .....	30
IBRANCE CAPS .....	imipramine pamoate .....	14	INTRON A SOLR 18000000 UNIT .....	30
IBRANCE TABS .....	imiquimod 5 % .....	45	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% .....	57
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....	IMPAVIDO .....	21	IOPIDINE .....	61
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..3	INCRELEX .....	48	IPOL INACTIVATED IPV .....	70
ibuprofen TABS 800 MG .....	INCRUSE ELLIPTA .....	8	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	
icatibant acetate SOLN .....	indapamide TABS 1.25 MG .....	47	61	
icatibant acetate SOSY .....	indapamide TABS 2.5 MG .....	47	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	
ICLUSIG .....	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		61	
icosapent ethyl 1 GM .....	indomethacin CPCR .....	4	ipratropium bromide SOLN 0.02 % ..8	
IDAMYCIN PFS 20 MG/20ML (idarubicin hcl) .....	INFLECTRA .....	50	ipratropium-albuterol SOLN .....	10
IDAMYCIN PFS 5 MG/5ML, 10 MG/10ML (idarubicin hcl) .....	INFUGEM .....	24	irbesartan .....	20
idarubicin hcl 20 MG/20ML .....	INGREZZA CAPS .....	64	irbesartan-hydrochlorothiazide .....	20
	INGREZZA CPPK .....	64		

IRESSA (gefitinib) .....	26	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	15	KEVZARA SOSY .....	3
irinotecan hcl 300 MG/15ML, 500 MG/25ML .....	32	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	15	KEYTRUDA .....	25
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	32	JANUVIA .....	16	KHAPZORY .....	31
irrigation solutions, physiological ..	59	JARDIANCE .....	16	KIMONO COLORS DEVI .....	54
ISENTRESS CHEW .....	34	JAYPIRCA .....	29	KIMONO LUBRICATED MISC .....	54
ISENTRESS HD TABS .....	34	JELMYTO SOLR UL .....	28	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....	54
ISENTRESS TABS .....	34	JEVTANA .....	31	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	54
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	57	JULUCA .....	34	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	54
ISOLYTE-S .....	57	KADCYLA .....	25	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC .....	54
isoniazid SOLN .....	23	KALYDECO TABS .....	65	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC .....	54
isoniazid SYRP .....	23	KAMELEON LUBRICATED MISC .....	54	KIMONO PS LUBRICATED MISC .....	54
isoniazid TABS .....	23	KANJINTI .....	26	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC .....	54
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	7	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	57	KIMONO SENSATION SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	54
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl .....	37	KEMOPLAT SOLN .....	23	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	54
isosorbide mononitrate TABS .....	7	KEPIVANCE 6.25 MG .....	31	KIMONO SPECIAL DEVI .....	55
isosorbide mononitrate TB24 .....	7	KESIMPTA .....	65	KINRIX SUSY .....	67
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	41	ketoconazole (topical) CREA .....	42	KISQALI .....	29
isradipine CAPS .....	36	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .....	42	KISQALI FEMARA 200 DOSE .....	28
ISTODAX SOLR (romidepsin) .....	29	KETONE STRP .....	46	KISQALI FEMARA 400 DOSE .....	28
itraconazole CAPS .....	18	KETONE TEST STRIPS STRP .....	46	KISQALI FEMARA 600 DOSE .....	28
itraconazole SOLN .....	18	ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG .....	4	KLARITY-A .....	62
ivermectin (pediculicide) .....	46	ketorolac tromethamine (ophth) .....	62	KOSELUGO .....	29
ivermectin .....	7	ketorolac tromethamine TABS .....	4	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	59
IXEMPRA KIT 15 MG .....	31	KETOSTIX STRP .....	46		
IXEMPRA KIT 45 MG .....	31	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % .....	63		
JAKAFI .....	29	KEVZARA SOAJ .....	3		
JANUMET TABS .....	15				

KRAZATI .....	29	MCG, 250 MCG (digoxin) .....	37	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML .....	10
KRINTAFEL .....	22	lansoprazole CPDR 15 MG .....	67	levalbuterol tartrate .....	10
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....	55	lansoprazole CPDR 30 MG .....	67	LEVEMIR FLEXPEN SOPN .....	16
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ..	55	lanthanum carbonate CHEW .....	51	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN .....	16
KYPROLIS .....	29	lapatinib ditosylate .....	29	LEVEMIR SOLN .....	16
labetalol hcl SOLN .....	36	LASTACAFT .....	63	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 36		latanoprost SOLN .....	63	levetiracetam TABS 1000 MG .....	12
labetalol hcl TABS 300 MG .....	36	leflunomide .....	4	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG .....	12
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12		lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....	58	levetiracetam TABS 500 MG .....	12
lacosamide TABS .....	12	lenalidomide 20 MG .....	58	levetiracetam TB24 .....	12
lactated ringer's (irrigation) .....	59	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	25	levobunolol hcl 0.5 % .....	61
lactated ringer's .....	57	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ..	25	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	
lactic acid (ammonium lactate) CREA .....45		LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..	25	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....	45	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin (ophth) 0.5 % .....	62
lactulose (encephalopathy) .....	50	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML .....	50
lactulose SOLN .....	53	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin SOLN OR .....	50
lamivudine (hbv) TABS .....	35	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 50	
lamivudine SOLN .....	34	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin TABS 500 MG .....	50
lamivudine TABS 150 MG .....	34	letrozole .....	26	levoleucovorin calcium SOLN 175 MG/17.5ML .....	31
lamivudine TABS 300 MG .....	34	leucovorin calcium SOLN IJ 500 MG/50ML .....	31	levoleucovorin calcium SOLN 250 MG/25ML .....	31
lamivudine-zidovudine .....	34	leucovorin calcium SOLR .....	31	levoleucovorin calcium SOLR .....	31
lamotrigine CHEW 25 MG .....	12	LEUKERAN .....	23	levonorgestrel & eth estradiol TABS 39	
lamotrigine CHEW 5 MG .....	12	LEUKINE SOLR IJ .....	52	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG .....	39
lamotrigine TABS .....	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....27			
lamotrigine TBDP .....	12	LEUPROLIDE ACETATE/BUPIVACAINE			
LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	37	HYDROCHLORIDE .....	27		
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		levalbuterol hcl .....	10		

levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) .....	39	LITHIUM .....	32	loxapine succinate .....	33
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG .....	39	lithium carbonate CAPS .....	32	lubiprostone .....	50
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) .....	39	lithium carbonate TABS .....	32	LUCEMYRA .....	64
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 39		lithium carbonate TBCR .....	32	luliconazole .....	42
levorphanol tartrate TABS 2 MG ....	5	LO LOESTRIN FE TABS .....	39	LUMAKRAS .....	29
levothyroxine sodium TABS .....	66	LOKELMA .....	59	LUMIZYME .....	49
LEVULAN KERASTICK SOLR ....	43	LONSURF .....	28	LUMOXITI .....	25
LEXIVA SUSP .....	34	loperamide hcl CAPS .....	17	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....	27
LIBTAYO .....	25	lopinavir-ritonavir SOLN .....	34	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....	27
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....	54	lopinavir-ritonavir TABS .....	34	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 27	
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	59	loratadine CAPS .....	18	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 27	
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	59	loratadine CHEW .....	18	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) .	
lidocaine hcl GEL 2 % .....	46	loratadine SOLN .....	18	lorasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG .....	33
lidocaine hcl PRSY .....	46	loratadine TABS .....	18	lurasidone hcl 80 MG .....	33
lidocaine hcl SOLN .....	46	loratadine TBDP .....	18	LUTATHERA .....	30
lidocaine PTCH 5 % .....	46	lorazepam CONC .....	8	LYNPARZA TABS .....	29
lidocaine-prilocaine CREA .....	46	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .....	8	LYSODREN .....	27
lincomycin hcl .....	22	lorazepam TABS 1 MG .....	8	LYTGOBI .....	29
linezolid SUSR .....	22	LORBRENA .....	29	mafенide acetate PACK .....	43
linezolid TABS .....	22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG .....	20	magnesium sulfate IJ 50 % .....	58
LINZESS .....	50	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		malathion .....	46
liothyronine sodium SOLN .....	66	losartan potassium .....	20	maraviroc TABS 150 MG .....	34
liothyronine sodium TABS .....	66	LOTEMAX OINT .....	62	maraviroc TABS 300 MG .....	34
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		loteprednol etabonate GEL .....	62	MARPLAN .....	13
lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20	loteprednol etabonate SUSP .....	62		
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	20	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19		
		lovastatin TABS 40 MG .....	19		

MARQIBO .....	31	MENACTRA .....	68	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....
MASONATAL TABS .....	59	MENEST .....	49	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5
MATULANE .....	30	MENOSTAR PTWK .....	50	methadone hcl TABS 10 MG .....
MAXIDEX SUSP OP .....	62	MENQUADFI .....	68	methadone hcl TABS 5 MG .....
MAXX LUBRICATED MISC .....	55	MENVEO SOLR .....	68	methadone hcl TBSO .....
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	55	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5	methamphetamine hcl .....
meclizine hcl TABS 12.5 MG .....	17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5	methazolamide TABS .....
meclizine hcl TABS 25 MG .....	17	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5	methenamine hippurate .....
meclofenamate sodium CAPS .....	4	meprobamate .....	8	methimazole TABS .....
MEDROL TABS .....	40	mercaptopurine TABS .....	24	METHITEST TABS .....
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	39	meropenem .....	21	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG .....
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	39	mesalamine CP24 .....	50	METHOTREXATE .....
medroxyprogesterone acetate 10 MG .....	64	mesalamine CPDR .....	50	methotrexate sodium SOLN 1 GM/40ML, 250 MG/10ML, 1000 MG/40ML .....
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	64	mesalamine ENEM .....	50	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....
mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine SUPP .....	50	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML .....
mefloquine hcl .....	22	mesalamine TBEC 1.2 GM .....	50	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML .....
megestrol acetate (appetite) .....	64	mesalamine TBEC 800 MG .....	50	methotrexate sodium SOLR .....
megestrol acetate SUSP .....	27	MESNEX TABS .....	31	methotrexate sodium TABS 2.5 MG .....
megestrol acetate TABS .....	27	metaxalone 800 MG .....	60	methoxsalen rapid .....
MEKINIST SOLR .....	29	metformin hcl TABS 1000 MG .....	15	methscopolamine bromide .....
MEKINIST TABS 0.5 MG .....	29	metformin hcl TABS 500 MG .....	15	methsuximide .....
MEKINIST TABS 2 MG .....	29	metformin hcl TABS 850 MG .....	15	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG .....
MEKTOVI .....	29	metformin hcl TB24 500 MG .....	15	methylphenidate hcl CP24 30 MG .....
meloxicam TABS .....	4	metformin hcl TB24 750 MG .....	15	methylphenidate hcl CP24 .....
melphalan .....	24	methadone hcl CONC .....	5	methylphenidate hcl CP24 .....
melphalan hcl .....	24	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		
memantine hcl TABS .....	64	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5	

methylphenidate hcl CPCR .....	2	50 MG, 100 MG .....	36	mitomycin SOLR IV 20 MG .....	28
methylphenidate hcl SOLN .....	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	36	mitomycin SOLR IV 5 MG, 40 MG .	28
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	36	MITOMYCIN SOSY 20 MG/40ML .	28
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	metronidazole (topical) CREA .....	46	mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....	28
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 %		M-M-R II SOLR .....	70
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2	46		M-NATAL PLUS TABS .....	59
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	46	modafinil 100 MG .....	2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2	46		modafinil 200 MG .....	2
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole TABS .....	21	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....	70
methylphenidate PTCH .....	2	metronidazole vaginal .....	71	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	
methylprednisolone acetate SUSP 40		mexiletine hcl .....	8	70	
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	40	micafungin sodium .....	18	MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP .....	70
methylprednisolone TABS .....	40	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	71	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....	70
methylprednisolone TBPK .....	40	midodrine hcl .....	71	moexipril hcl .....	20
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	50	miglitol .....	15	mometasone furoate (nasal) SUSP 61	
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	50	miglustat .....	52	mometasone furoate CREA .....	45
metoclopramide hcl TABS .....	50	minocycline hcl CAPS .....	66	mometasone furoate OINT .....	45
metolazone .....	47	minocycline hcl TABS .....	66	mometasone furoate SOLN .....	45
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	21	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	21	MONJUVI .....	25
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	20	MIRCERA 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML .....	52	montelukast sodium CHEW .....	9
metoprolol succinate TB24 200 MG 36		mirtazapine TABS 15 MG .....	13	montelukast sodium PACK .....	9
metoprolol succinate TB24 25 MG,		mirtazapine TABS 30 MG .....	13	montelukast sodium TABS .....	9
		mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	
		13		morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....	5
		mirtazapine TBDP 15 MG .....	13	morphine sulfate SOLN OR 10	
		mirtazapine TBDP 30 MG .....	13		
		mirtazapine TBDP 45 MG .....	13		
		misoprostol .....	67		

MG/5ML .....	5	nalbuphine hcl .....	7	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-	
morphine sulfate SOLN OR 20		naloxone hcl LIQD .....	17	27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2	
MG/5ML .....	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .... 60	
morphine sulfate TABS .....	5	MG/10ML .....	17	NEONATAL PLUS TABS ..... 60	
morphine sulfate TBCR .....	5	naltrexone hcl .....	17	NEONATAL PRENATAL VITAMIN	
MOTEGRITY .....	50	naproxen sodium TABS 550 MG ... 4		TABS ..... 60	
MOTOFEN .....	17	naproxen SUSP .....	4	NEONATAL VITAMIN TABS ..... 60	
MOVANTIK .....	51	naproxen TABS .....	4	neostigmine methylsulfate SOSY ..23	
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	62	naproxen TBEC 500 MG .....	4	NEO-SYNALAR ..... 42	
moxifloxacin hcl in sodium chloride		naratriptan hcl .....	56	NERLYNX ..... 29	
50		NATACYN .....	62	NEUPRO ..... 32	
moxifloxacin hcl TABS .....	50	NATAZIA .....	39	NEVANAC ..... 63	
MOZOBIL (plerixafor) .....	53	nateglinide .....	16	nevirapine SUSP .....	34
MULPLETA .....	52	NAYZILAM .....	11	nevirapine TABS .....	34
MULTI PRENATAL TABS .....	59	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		nevirapine TB24 100 MG .....	34
mupirocin OINT .....	42	36		nevirapine TB24 400 MG .....	34
MVASI .....	25	nebivolol hcl 20 MG .....	36	NEXAVAR (sorafenib tosylate) ... 29	
MYALEPT .....	49	NEBUSAL NEBU .....	40	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole	
mycophenolate mofetil CAPS .....	59	nefazodone hcl .....	14	magnesium) .....	67
mycophenolate mofetil TABS .....	59	nelarabine .....	25	NEXTSTELLIS ..... 39	
mycophenolate sodium .....	59	neomycin sulfate TABS .....	2	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19	
MYLERAN TABS .....	24	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	62		
MYLOTARG .....	25	62	niacin CPCR 250 MG, 500 MG .... 72		
nabumetone .....	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP			
nadolol TABS 20 MG .....	36	62	niacin TABS ..... 72		
nadolol TABS 40 MG .....	36	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ..62	niacin TBCR ..... 72		
nadolol TABS 80 MG .....	36	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	NIACIN TR TBCR ..... 72		
nafcillin sodium IV 10 GM .....	64	63	niacinamide TABS 100 MG .....	72	
naftifine hcl CREA 1 % .....	42	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	niacinamide TABS 500 MG .....	72	
naftifine hcl CREA 2 % .....	42	NEONATAL COMPLETE TABS 120	nicardipine hcl CAPS .....	36	
NAGLAZYME .....	49	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10	nicardipine hcl SOLN .....	36	
			nicotine MISC XX .....	65	
			nicotine polacrilex GUM .....	65	

nicotine polacrilex LOZG .....	65	nizatidine CAPS .....	67	NORVIR PACK .....	34
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	65	nizatidine SOLN .....	67	NORVIR SOLN .....	34
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT .....	65	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML .....	48	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS .....	46
NICOTROL INHALER INHA .....	65	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML .....	48	NOVAREL IM 10000 UNIT .....	48
NICOTROL NS SOLN .....	65	norelgestromin-ethinyl estradiol ..	39	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16	
nifedipine CAPS 10 MG .....	36	norethin acet & estrad-fe CAPS ..	39	NOVOLIN 70/30 SUSP .....	16
nifedipine CAPS 20 MG .....	36	norethin acet & estrad-fe CHEW ..	39	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16
nifedipine TB24 60 MG .....	36	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG .....	39	NOVOLIN N SUSP .....	16
nifedipine TB24 90 MG .....	36	norethindrone & eth estradiol ..	39	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine TB24 .....	36	norethindrone & ethinyl estradiol-fe ..	39	NOVOLIN R SOLN IJ .....	16
NILANDRON (nilutamide) .....	27	norethindrone (contraceptive) ..	39	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nilutamide .....	27	norethindrone acet & eth estra ..	39	NP THYROID 120 TABS .....	66
nimodipine CAPS .....	37	norethindrone acetate TABS ..	64	NP THYROID 15 TABS .....	66
NINLARO .....	29	norethindrone acetate-ethinyl estradiol ..	49	NP THYROID 30 TABS .....	66
NIPENT .....	30	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe ..	39	NP THYROID 60 TABS .....	66
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG .....	37	norethindrone-eth estradiol (triphasic) ..	39	NP THYROID 90 TABS .....	66
nitazoxanide TABS .....	21	norgestimate-ethinyl estradiol ..	39	NUBEQA .....	27
nitisinone CAPS 2 MG, 5 MG, 10 MG .....	49	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic) ..	39	NUCALA SOAJ .....	8
NITRO-BID OINT .....	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG .....	39	NUCALA SOLR .....	8
nitrofurantoin .....	22	NORMOSOL-M/D5W .....	57	NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	8
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG .....	22	NORMOSOL-R .....	57	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	8
nitrofurantoin monohyd macro .....	22	nortriptyline hcl CAPS .....	15	NUCYNTA ER TB12 .....	5
nitroglycerin CPCR .....	7	nortriptyline hcl SOLN .....	15	NUCYNTA TABS .....	5
nitroglycerin PT24 .....	7	NIVA-PLUS TABS .....	60	NUEDEXTA .....	65
NITROGLYCERIN SOLN IV .....	7	NIVIA-PLUS TABS .....	60	NULOJIX .....	59
nitroglycerin SUBL .....	7	nystatin (mouth-throat) .....	59	nystatin (topical) CREA .....	42
NIVA-PLUS TABS .....	60	nystatin (topical) OINT .....	42	nystatin (topical) POWD EX .....	42

nystatin TABS .....	18	OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	55	oseltamivir phosphate CAPS .....	35
nystatin-triamcinolone CREA .....	42	ONCASPAR .....	30	oseltamivir phosphate SUSR .....	35
nystatin-triamcinolone OINT .....	42	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OSMOPREP .....	53
octreotide acetate SOLN .....	49	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	17	OSPHENA .....	48
ODEFSEY .....	34	ondansetron hcl SOSY .....	17	OTEZLA TABS .....	4
ODOMZO .....	26	ondansetron hcl TABS 24 MG .....	17	OTEZLA TBPK .....	4
OFEV .....	66	ondansetron hcl TABS 4 MG .....	17	oxacillin sodium IV 10 GM .....	64
ofloxacin (ophth) .....	62	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML .....	24
ofloxacin (otic) .....	63	ondansetron TBDP 4 MG .....	17	oxaliplatin SOLR .....	24
ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	50	ondansetron TBDP 8 MG .....	17	oxandrolone .....	7
OGIVRI .....	26	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS .60		oxaprozin TABS .....	4
olanzapine SOLR .....	33	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	60	oxazepam CAPS .....	8
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..33		ONIVYDE .....	32	OXBRYTA TABS 500 MG .....	52
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	33	ONTRUZANT .....	26	oxcarbazepine SUSP .....	12
olanzapine TBDP 20 MG .....	33	ONUREG TABS .....	25	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	12
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	33	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML .....	25	oxcarbazepine TABS 600 MG .....	12
olmesartan medoxomil .....	20	OPDUALAG .....	28	oxiconazole nitrate CREA .....	42
olmesartan medoxomilamlodipine- hydrochlorothiazide .....	21	OPSUMIT .....	37	OXISTAT LOTN .....	42
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	21	ORENITRAM TBCR .....	37	oxybutynin chloride SOLN .....	68
olopatadine hcl (nasal) .....	61	ORGOVYX .....	27	oxybutynin chloride TABS 5 MG ..68	
olopatadine hcl 0.1 % .....	63	ORILISSA .....	48	oxybutynin chloride TB24 .....	68
olopatadine hcl 0.2 % .....	63	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG .....	66	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	5
omega-3-acid ethyl esters .....	19	ORKAMBI TABS .....	66	oxycodone hcl TABS .....	5
omeprazole CPDR .....	67	ORLADEYO .....	52	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	6
omeprazole magnesium CPDR ..67		orphenadrine citrate TB12 .....	60	oxymorphone hcl TABS .....	5
omeprazole TBEC .....	67	ORSERDU .....	27	oxymorphone hcl TB12 40 MG ..5	
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	68			oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5	

MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	5	paroxetine hcl TABS 20 MG .....	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	16	paroxetine hcl TABS 30 MG .....	14	OSMOTIC DEXTROSE 40000
OZEMPIC SOPN .....	16	paroxetine hcl TABS 40 MG .....	14	UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML,		paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....	14	63
150 MG/25ML .....	31	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG		PENICILLIN G PROCAINE .....
paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300		.....	14	63
MG/50ML .....	31	PASER PACK .....	23	penicillin g sodium .....
paclitaxel protein-bound particles	.31	pazopanib hcl .....	29	penicillin v potassium SOLR .....
PACLITAXEL PROTEIN-		pediatric multivitamins w/fi CHEW	.59	64
BOUNDPARTICLES .....	31	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na		penicillin v potassium TABS .....
PADCEV .....	25	ascorbate-ascorbic acid .....	53	64
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	.33	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod		pentazocine w/ naloxone hcl .....
paliperidone 6 MG .....	33	chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-		7
palonosetron hcl SOLN .....	17	2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM		pentoxifylline .....
pamidronate disodium SOLN 30		.....	53	52
MG/10ML, 90 MG/10ML .....	48	peg 3350-potassium chloride-sod		perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN		bicarbonate-sod chloride .....	53	perindopril erbumine 4 MG .....
48		PEGASYS SOLN .....	35	20
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-		PEGASYS SOSY .....	35	PERJETA .....
97300 UNIT-37000 UNIT, 15200		PEMAZYRE .....	29	26
UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600		PEMETREXED .....	25	permethrin CREA .....
UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500		pemetrexed disodium SOLR 100 MG,		46
UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT,		750 MG, 1000 MG .....	25	permethrin LIQD EX .....
83900 UNIT-54700 UNIT-21000		pemetrexed disodium SOLR 500 MG		46
UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-		25	perphenazine TABS .....	
16800 UNIT .....	47	PEMETREXED SOLN 1 GM/40ML,		33
PANRETIN .....	43	100 MG/4ML, 500 MG/20ML .....	25	perphenazine-amitriptyline .....
pantoprazole sodium TBEC 20 MG		PEMFEXY .....	25	64
67		penciclovir .....	43	PERSERIS PRSY .....
pantoprazole sodium TBEC 40 MG		penicillamine CAPS .....	58	33
67		penicillamine TABS .....	58	PFIZER-BIONTECH COVID-
paricalcitol CAPS .....	49	penicillin g potassium 5000000 UNIT		19VACCINE SUSP .....
paricalcitol SOLN .....	49	63	70	
paroxetine hcl SUSP .....	14	PFIZER-BIONTECH COVID-		
paroxetine hcl TABS 10 MG .....	14	19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....	70	
		PFIZER-BIONTECH COVID-		
		19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP		
		70		
		PFIZER-BIONTECH COVID-		
		19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	70	
		PFIZER-BIONTECH COVID-		
		19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	70	
		PHARMACIST CHOICE ULTRA		
		THIN LANCETS 33G .....	56	
		PHEBURANE PLLT .....	49	

phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG .....	51	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	29	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 % .....	57
phendimetrazine tartrate TABS .....	1	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	29		
phenelzine sulfate .....	13	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	29		
phenobarbital ELIX .....	53	pirfenidone CAPS .....	66		
phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG .....	53	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 66			
phenoxybenzamine hcl .....	20	pirfenidone TABS 534 MG .....	66	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L .....	57
phentermine hcl CAPS .....	1	piroxicam CAPS .....	4	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 % .....	58
phenytoin CHEW .....	13	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	57		
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	13	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148) ..	57	potassium chloride	
phenytoin sodium SOLN .....	13	PLEGRIDY SOPN .....	65	microencapsulated crystals er .....	58
phenytoin SUSP .....	13	PLEGRIDY SOSY SC .....	65	potassium chloride PACK OR 20 MEQ .....	58
PHESGO .....	28	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 65		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) .....	58
PHEXXI .....	71	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC .....	65	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML .....	58
PHOSLYRA SOLN .....	51	plerixafor .....	53	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ .....	58
PHOTOFRIN .....	31	PLUVICTO .....	30	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS .....	58
PIFELTRO .....	34	PNEUMOVAX 23 .....	68	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl) .....	58
pilocarpine hcl (oral) .....	59	PNEUMOVAX 23/1 DOSE .....	68	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG .....	51
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 61		podofilox SOLN .....	45	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML .....	58
pimecrolimus .....	45	POLIVY 140 MG .....	25	POTELIGEO .....	25
pimozide .....	65	polymyxin b sulfate SOLR .....	22	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD .....	41
pindolol TABS .....	36	polymyxin b-trimethoprim .....	62		
pioglitazone hcl .....	16	POMALYST .....	27		
pioglitazone hcl-glimepiride .....	15	PORTRAZZA .....	26		
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		posaconazole SUSP .....	18		
piperacillin sodium-tazobactam sodium .....	64	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 58			
		potassium bicarbonate TBEF .....	58		
		potassium chloride CPCR .....	58		

pralatrexate 20 MG/ML .....	25	MG .....	65	PREPLUS TABS .....	60
pralatrexate 40 MG/2ML .....	25	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 13 .....	68
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG .....	32	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ... 12		PREVNAR 20 .....	68
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG .....	32	pregabalin SOLN .....	12	PREZCOBIX .....	34
prasugrel hcl .....	52	PREHEVBRIOD .....	70	PREZISTA SUSP .....	34
pravastatin sodium .....	19	PREMARIN .....	71	PREZISTA TABS (darunavir) .....	35
praziquantel .....	7	PREMARIN SOLR .....	50	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG .....	35
prazosin hcl CAPS .....	20	PREMARIN TABS .....	50	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) .....	35
PRECISION XTRA .....	46	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC .....	55	PRIFTIN .....	23
PRED MILD .....	62	PREMPHASE .....	49	primaquine phosphate TABS .....	22
PRED-G SUSP .....	62	PREMPRO .....	49	primidone 50 MG, 250 MG .....	12
prednicarbate OINT .....	45	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 60		PRIORIX SUSR .....	70
prednisolone acetate (ophth) .....	62	PRENATAL ONE DAILY TABS ... 60		probenecid .....	51
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE .....	62	PRENATAL PLUS TABS .....	60	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML 8	
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 40		PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS .....	60	prochlorperazine .....	33
prednisolone sodium phosphate TBDP .....	40	PRENATAL TABS .....	60	prochlorperazine maleate TABS ... 33	
prednisolone SOLN .....	40	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS .....	60	PROCRT .....	52
prednisolone TABS .....	40	PRENATAL VITAMIN TABS .....	60	progesterone CAPS .....	64
prednisone SOLN .....	40	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 60		PROGRAF PACK .....	59
prednisone TABS 1 MG, 5 MG ....	40	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	60	PROGRAF SOLN .....	59
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	40	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8		PROLASTIN-C SOLN .....	65
prednisone TBPK .....	40	MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT .....	60	PROLASTIN-C SOLR .....	65
pregabalin (once-daily) 330 MG ... 65		PRENATRIX TABS .....	60	PROLEUKIN .....	31
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165		PRENATRYL TABS .....	60	PROLIA SOSY .....	48
				promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML .....	18
				promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	18
				promethazine hcl SUPP 50 MG ... 18	

promethazine hcl SYRP .....	18	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	33	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 55
promethazine hcl TABS .....	18	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	33	REBIF REBIDOSE SOAJ .....
propafenone hcl CP12 .....	8	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	33	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....
propafenone hcl TABS .....	8	REBIF SOSY .....	65	
proparacaine hcl .....	62	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	65	
propranolol hcl CP24 .....	36	RECOMBIVAX HB SUSP .....	71	
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	36	RECOMBIVAX HB SUSY .....	71	
propranolol hcl TABS .....	36	RECTIV 0.4 % (nitroglycerin (intra- anal)) .....	7	
propylthiouracil .....	66	REGRANEX .....	46	
protriptyline hcl .....	15	RELENZA DISKHALER .....	36	
PTS PANELS KETONE TEST .....	46	RELEXXII TBCR 27 MG .....	2	
PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2	
PULMOZYME .....	66	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	46	
PURIXAN SUSP .....	25	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	46	
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	60	RENFLEXIS .....	50	
pyrazinamide .....	23	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	16	
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	repaglinide 2 MG .....	16	
pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	23	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	19	
pyridostigmine bromide TBCR .....	23	REPATHA SOSY .....	19	
pyrimethamine .....	22	REPATHA SURECLICK SOAJ ..	19	
QC PRENATAL TABS .....	60	ranolazine TB12 1000 MG .....	7	
QINLOCK .....	29	ranolazine TB12 500 MG .....	7	
QUADRACEL SUSP .....	67	RETACRIT .....	52	
QUADRACEL SUSY .....	67	RETEVMO .....	29	
QUADRAMET .....	30	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	35	
quazepam .....	53	REVLIMID 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....	58	
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	33	REVLIMID 20 MG .....	58	
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	33			
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	33			
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	33			
quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	20			
quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	20			
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	21			
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	21			
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	21			
quinidine sulfate TABS .....	8			
quinine sulfate CAPS 324 MG .....	22			
QUZYTTR SOLN IV .....	18			
QVAR REDIHALER .....	9			
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS .....	60			
RA PRENATAL TABS .....	60			
rabeprazole sodium TBEC .....	67			
raloxifene hcl .....	48			
ramelteon .....	53			
ramipril CAPS .....	20			
ranitidine hcl TABS 150 MG .....	67			
ranolazine TB12 1000 MG .....	7			
ranolazine TB12 500 MG .....	7			
rasagiline mesylate .....	32			
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	55			
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	55			

REXULTI .....	34	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .57	64		
REZLIDHIA .....	29	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..57	saxagliptin hcl .....	16	
ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	35	roflumilast .....	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG .....	15
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 35		ROMIDEPSIN SOLN .....	29	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG .....	15
RIDAURA .....	3	romidepsin SOLR .....	29	SCEMBLIX .....	29
rifabutin .....	23	ropinirole hydrochloride TABS ..	32	SCLEROSOL INTRAPLEURAL AERP .....	66
rifampin CAPS .....	23	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG .....	32	scopolamine .....	17
rifampin SOLR .....	23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG .....	32	SELECT INSULIN SYRINGES ..	56
riluzole TABS .....	61	rosuvastatin calcium TABS .....	19	SELECT LANCETS .....	56
rimantadine hydrochloride TABS ..	36	ROTARIX SUSP .....	71	selegiline hcl CAPS .....	32
ringer's .....	58	ROTARIX SUSR .....	71	selegiline hcl TABS .....	32
ringer's irrigation .....	59	ROTAQUE SOLN .....	71	selenium sulfide LOTN 2.5 % ..	43
RINVOQ .....	2	ROZLYTREK CAPS .....	29	SELZENTRY SOLN .....	35
risedronate sodium TABS 150 MG	48	RUBRACA .....	29	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	
risedronate sodium TABS 35 MG ..	48	rufinamide SUSP .....	12	35	
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG .....	48	rufinamide TABS 200 MG .....	12	SEREVENT DISKUS .....	10
risedronate sodium TBEC .....	48	rufinamide TABS 400 MG .....	12	sertraline hcl CONC .....	14
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) .....	33	RUKOBIA .....	35	sertraline hcl TABS 100 MG .....	14
risperidone microspheres .....	33	RUXIENCE .....	25	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	
risperidone SOLN .....	33	RYBELSUS TABS .....	16	14	
risperidone TABS .....	33	RYDAPT .....	29	sevelamer carbonate PACK .....	51
risperidone TBDP .....	33	salsalate .....	4	sevelamer carbonate TABS .....	51
ritonavir TABS .....	35	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT ..	49	SHINGRIX .....	71
RITUXAN .....	25	SANTYL OINT .....	45	SIGNIFOR .....	49
RITUXAN HYCELA .....	28	sapropterin dihydrochloride PACK ..	49	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN .....	37
rivastigmine tartrate CAPS .....	64	sapropterin dihydrochloride TABS ..	49	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR .....	37
rizatriptan benzoate TABS 10 MG ..	57	SARCLISA .....	25	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS .....	37
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	57	SAVELLA TABS .....	64		
		SAVELLA TITRATION PACK MISC			

sildenafil citrate .....	37	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate .....	53	spironolactone TABS .....	47
silodosin .....	51	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS .....	35	SPRAVATO 56MG DOSE .....	13
silver sulfadiazine .....	43	solifenacin succinate TABS .....	68	SPRAVATO 84MG DOSE .....	13
SIMPONI ARIA SOLN .....	3	SOLIQUA 100/33 .....	15	SPRYCEL .....	29
SIMULECT .....	59	SOLOSEC .....	2	stannous fluoride CONC .....	59
simvastatin TABS .....	19	SOLTAMOX SOLN .....	27	stavudine CAPS .....	35
sirolimus TABS .....	59	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG .....	40	STELARA 130 MG/26ML .....	50
SIRTURO .....	23	SOLU-CORTEF 250 MG .....	40	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML .....	43
SIVEXTRO TABS .....	22	SOLU-MEDROL 2 GM .....	40	STELARA SOSY 90 MG/ML .....	43
SKYRIZI PEN SOAJ .....	43	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	48	STENDRA .....	37
SKYRIZI PSKT .....	43	SORAFENIB tosylate .....	29	STERILE TALC POWDER SUSR .....	66
SKYRIZI SOCT .....	50	SORBITOL 3 % .....	51	STIMATE SOLN NA .....	49
SKYRIZI SOSY .....	43	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION .....	51	STIOLTO RESPIMAT .....	10
SLYND .....	39	sotalol hcl (afib/afl) .....	36	STIVARGA .....	29
SM PRENATAL VITAMINS TABS .....	60	sotalol hcl TABS 240 MG .....	36	streptomycin sulfate SOLR .....	2
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) .....	57	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG .....	36	STRIBILD .....	35
sodium acetate SOLN .....	57	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP .....	71	STRIVERDI RESPIMAT .....	10
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % .....	51	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP .....	71	STRONTIUM CHLORIDE SR-89 .....	30
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 % .....	40	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY .....	71	SUBSYS LIQD 100 MCG .....	5
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	58	spinosad .....	46	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG .....	5
sodium citrate & citric acid .....	51	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG .....	5
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG .....	58	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	9	sucralfate SUSP .....	67
sodium phenylbutyrate POWD .....	49	spironolactone & hydrochlorothiazide ..	47	sucralfate TABS .....	67
sodium phenylbutyrate TABS .....	49			sulconazole nitrate CREA .....	42
sodium polystyrene sulfonate POWD .....	59			sulconazole nitrate SOLN .....	42
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML .....	59			sulfacetamide sodium (acne) .....	41
				sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .....	62
				sulfacetamide sodium w/ sulfur .....	

CREA 10 %-5 % .....	41	(sunitinib malate) .....	29	tamoxifen citrate TABS .....	27
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 % .....	41	SUTENT 37.5 MG (sunitinib malate) . 29		tamsulosin hcl .....	51
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 % .....	41	SYLVANT .....	59	TARCEVA (erlotinib hcl) .....	26
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 % .....	41	SYNAREL .....	48	TARGRETIN (bexarotene (topical))	
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN .....	62	SYNERA PTCH .....	46	TARGRETIN (bexarotene) .....	31
sulfadiazine TABS .....	66	SYNJARDY TABS .....	15	TASIGNA 150 MG, 200 MG .....	30
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN .....	21	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	TASIGNA 50 MG .....	30
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP .....	21	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG .....	15	tasimelteon CAPS .....	53
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS .....	21	SYNRIBO .....	31	tavaborole .....	42
SULFAMYLYON CREA .....	43	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium) .....	66	tazarotene CREA .....	43
sulfasalazine TABS .....	50	TABLOID .....	25	TAZVERIK .....	30
sulfasalazine TBEC .....	50	TABRECTA .....	29	TECARTUS .....	26
sulindac TABS .....	4	tacrolimus (topical) OINT .....	45	TECENTRIQ .....	25
sumatriptan .....	57	tacrolimus CAPS .....	59	TEFLARO .....	38
sumatriptan succinate SOAJ .....	57	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS .....	37	TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12	
sumatriptan succinate SOCT .....	57	tadalafil 5 MG .....	37	TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12	
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML .....	57	TAFINLAR CAPS .....	29	TEGSEDI .....	65
sumatriptan succinate TABS .....	57	TAFINLAR TBSO .....	29	telmisartan .....	20
sumatriptan-naproxen sodium .....	56	tafluprost .....	63	telmisartan-amlodipine .....	21
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG .....	29	TAGRISSO 40 MG .....	26	telmisartan-hydrochlorothiazide .. 21	
sunitinib malate 37.5 MG .....	29	TAGRISSO 80 MG .....	26	temazepam 15 MG, 30 MG .....	53
SUNOSI 150 MG .....	1	TAKHZYRO SOLN .....	52	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG .....	53
SUNOSI 75 MG .....	1	TAKHZYRO SOSY .....	52	TEMODAR CAPS 100 MG, 140 MG, 180 MG, 250 MG (temozolomide) .. 24	
SUTENT 12.5 MG, 25 MG, 50 MG		TALZENNA 0.1 MG, 0.35 MG .....	30	TEMODAR SOLR .....	24
		TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG .....	30	temozolomide CAPS .....	24
				temsirolimus .....	30
				tenofovir disoproxil fumarate TABS 35	

TEPADINA 100 MG (thiotepa) ....	24	THYMOGLOBULIN .....	59	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .	12
TEPADINA 15 MG (thiotepa) ....	24	THYROGEN 0.9 MG .....	46	topiramate TABS 50 MG .....	12
TEPMETKO .....	30	tiagabine hcl .....	12	topotecan hcl SOLN .....	32
terazosin hcl .....	20	TIBSOVO .....	30	TOPOTECAN HCL SOLN .....	32
terbinafine hcl TABS .....	18	tigecycline .....	66	topotecan hcl SOLR .....	32
terbutaline sulfate SOLN .....	10	timolol maleate (ophth) SOLG .....	61	toremifene citrate .....	27
terbutaline sulfate TABS .....	10	timolol maleate (ophth) SOLN .....	61	TORISEL (temsirolimus) .....	30
terconazole vaginal CREA .....	71	timolol maleate TABS .....	36	torsemide TABS .....	47
terconazole vaginal SUPP .....	71	tiotropium bromide monohydrate CAPS .....	9	TOTECT .....	31
teriflunomide .....	65	TIVICAY TABS .....	35	TRACLEER TBSO .....	37
teriparatide (recombinant) SOPN ..	48	tizanidine hcl CAPS .....	60	tramadol hcl TABS 50 MG .....	6
TERIPARATIDE SOPN .....	48	tizanidine hcl TABS .....	60	tramadol hcl TB24 .....	6
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML .....	7	tobramycin (ophth) SOLN .....	62	tramadol-acetaminophen .....	6
testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tobramycin NEBU .....	2	trandolapril 1 MG, 2 MG .....	20
testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	trandolapril 4 MG .....	20
tetrabenazine .....	65	tobramycin-dexamethasone SUSP 62		trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG .....	21
tetracycline hcl CAPS .....	66	TODAY SPONGE MISC .....	71	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG .....	21
THALOMID .....	58	tolcapone .....	32	tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML .....	53
theophylline ELIX .....	10	tolmetin sodium CAPS .....	4	tranexamic acid TABS .....	53
theophylline SOLN .....	10	tolmetin sodium TABS 600 MG .....	4	tranylcyromine sulfate .....	13
theophylline TB12 .....	10	TOLSURA CAPS .....	18	travoprost SOLN .....	63
theophylline TB24 .....	10	tolterodine tartrate CP24 .....	68	TRAZIMERA .....	26
THERANATAL CORE NUTRITION TABS .....	60	tolterodine tartrate TABS .....	68	trazodone hcl TABS .....	14
THIOLA EC TBEC 100 MG .....	51	tolvaptan TABS .....	49	TREANDA SOLR (bendamustine hcl) .....	24
THIOLA EC TBEC 300 MG .....	51	topiramate CPSP 15 MG .....	12	TRECATOR .....	23
thioridazine hcl .....	33	topiramate CPSP 25 MG .....	12	TRELEGY ELLIPTA .....	10
thiotepa 100 MG .....	24	topiramate CS24 .....	12	TRELSTAR MIXJECT .....	27
thiotepa 15 MG .....	24	topiramate TABS 200 MG .....	12		
thiothixene .....	34				

TREMFYA SOPN .....	43	TABS .....	47	TRUETRACK TEST STRP .....	46
TREMFYA SOSY .....	43	triamterene CAPS .....	47	TRULICITY .....	16
treprostinil SOLN IJ .....	37	triazolam .....	53	TRUSELTIQ .....	30
tretinoin (chemotherapy) .....	31	TRICARE TABS .....	60	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC .....	55
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 % .....	41	trientine hcl 250 MG .....	58	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC .....	55
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .....	41	trifluoperazine hcl TABS .....	33	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC .....	55
tretinoin microsphere 0.1 % .....	41	trifluridine .....	62	TRUSTEX LUBRICATED MISC .....	55
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	25	trihexyphenidyl hcl SOLN .....	32	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC .....	55
triamcinolone acetonide (mouth) ..	59	trihexyphenidyl hcl TABS .....	32	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC .....	55
triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	61	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	45	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .66		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	45	trimethobenzamide hcl CAPS .....	17	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	45	trimethoprim TABS .....	21	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	45	trimipramine maleate CAPS .....	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	45	TRINTELLIX .....	14	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	45	TRISENOX (arsenic trioxide) .....	31	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC .....	55
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	45	TRIUMEQ TABS .....	35	TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC .....	55
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	40	TRIZIVIR .....	35	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC ..	55
triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone .....	45	TRODELVY .....	32	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC .....	55
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG .....	47	tropicamide SOLN 0.5 % .....	61	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	55
triamterene & hydrochlorothiazide		tropicamide SOLN 1 % .....	61	TRUXIMA 100 MG/10ML .....	25
		trospium chloride CP24 .....	68	TRUXIMA 500 MG/50ML .....	25
		trospium chloride TABS .....	68	TUKYSA .....	26
		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	46		
		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....	56		
		TRUEPLUS PEN NEEDLES 31GX5MM .....	56		

TURALIO .....	30	valganciclovir hcl TABS .....	35	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG ....	14
TUZISTRA XR .....	40	valproate sodium SOLN OR 250		venlafaxine hcl CP24 75 MG ....	14
TWINRIX SUSY .....	71	MG/5ML .....	13	venlafaxine hcl TABS .....	14
TWIRLA .....	39	valproic acid CAPS .....	13	venlafaxine hcl TB24 150 MG ....	14
TYBLUME CHEW .....	39	valrubicin .....	28	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75	
TYBOST .....	35	valsartan TABS .....	20	MG, 225 MG .....	14
TYKERB (lapatinib ditosylate) .....	30	valsartan-hydrochlorothiazide .....	21	verapamil hcl CP24 100 MG, 200	
TYMLOS .....	48	VALSTAR (valrubicin) .....	28	MG, 300 MG .....	37
TYVASO REFILL SOLN IN .....	37	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD .....	11	verapamil hcl CP24 120 MG, 180	
TYVASO SOLN IN .....	37	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK .....	11	MG, 240 MG, 360 MG .....	37
TYVASO STARTER SOLN IN .....	37	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK .....	11	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	37
UBRELVY .....	56	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD .....	11	verapamil hcl TABS .....	37
UCERIS (budesonide (intrarectal)) .	7	vancomycin hcl CAPS .....	22	verapamil hcl TBCR .....	37
UDENYCA SOAJ .....	52	vancomycin hcl SOLR OR 50		VEREGEN .....	41
		MG/ML, 250 MG/5ML .....	22	VERZENIO .....	30
UDENYCA SOSY .....	52	VANFLYTA .....	30	VICTOZA .....	16
UKONIQ .....	30	VAQTA .....	71	VIDAZA SUSR (azacitidine) .....	25
ULTIGUARD SAFEPACK/MINI PEN		varenicline tartrate TABS .....	65	vigabatrin PACK .....	12
NEEDLE/32G X 1/4"/SHARPS		varenicline tartrate TBPK .....	65	vigabatrin TABS .....	13
CONTAIN .....	56	VARIVAX INJ .....	71	VIIBRYD STARTER PACK KIT ....	14
UNITUXIN .....	26	VARUBI TBPK .....	17	vilazodone hcl TABS .....	14
UPTRAVI TABS 200 MCG .....	38	VAXNEUVANCE .....	68	vinblastine sulfate SOLN .....	31
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600		VECAMYL .....	21	vincristine sulfate .....	31
MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200		VECTIBIX 100 MG/5ML .....	26	vinorelbine tartrate 10 MG/ML ....	31
MCG, 1400 MCG, 1600 MCG .....	38	VECTIBIX 400 MG/20ML .....	26	vinorelbine tartrate 50 MG/5ML ...	31
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK		VELCADE SOLR IJ (bortezomib) ..	30	VIRACEPT TABS 250 MG .....	35
38		VELPHORO .....	51	VIRACEPT TABS 625 MG .....	35
ursodiol CAPS .....	50	VENCLEXTA STARTING PACK		VIREAD POWD .....	35
ursodiol TABS .....	50	TBPK .....	26	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,	
UVADEX .....	31	VENCLEXTA TABS .....	26	250 MG .....	35
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ..	35	venlafaxine hcl CP24 150 MG .....	14	VISTOGARD .....	17
valacyclovir hcl 500 MG .....	35				
VALCHLOR .....	43				

VITAMIN D2 TABS 400 UNIT .....	72	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....	55	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 27	
VITATHELY/GINGER TABS .....	60	XALKORI CAPS .....	30	XTAMPZA ER .....	6
VITRAKVI CAPS .....	30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10	10	XTANDI CAPS .....	27
VITRAKVI SOLN .....	30	XARELTO SUSR .....	10	XTANDI TABS .....	27
VIVIMUSTA SOLN .....	24	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	XULTOPHY 100/3.6 .....	15
VIZIMPRO .....	26	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	YEROVY .....	26
VONJO .....	30	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	YONDELIS .....	24
VORAXAZE .....	31	XATMEP SOLN .....	25	YONSA .....	27
voriconazole TABS .....	18	XELJANZ SOLN .....	2	zafirlukast .....	9
VOTRIENT (pazopanib hcl) .....	30	XELJANZ TABS 10 MG .....	2	zaleplon 10 MG .....	53
VYNDAMAX .....	38	XELJANZ TABS 5 MG .....	2	zaleplon 5 MG .....	53
VYNDAQEL .....	38	XELJANZ XR TB24 .....	2	ZALTRAP 100 MG/4ML .....	25
VYVANSE CAPS .....	1	XELODA (capecitabine) .....	25	ZALTRAP 200 MG/8ML .....	25
VYXEOS .....	28	XEOMIN .....	61	ZANOSAR .....	24
warfarin sodium TABS .....	10	XERAVA .....	66	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) ..	13
water for irrigation, sterile .....	59	XGEVA SOLN .....	48	ZARXIO .....	52
WELIREG .....	27	XHANCE EXHU .....	61	ZEJULA CAPS .....	30
WESTAB PLUS TABS .....	60	XIFAXAN 200 MG .....	21	ZEJULA TABS 100 MG .....	30
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....	55	XIFAXAN 550 MG .....	21	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	30
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....	55	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	15	ZELBORAF .....	30
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....	55	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	15	ZELNORM 6 MG .....	50
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....	55	XOFIGO .....	30	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	47
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....	55	XOLAIR SOLR .....	8	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	47
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....	55	XOLAIR SOSY 150 MG/ML .....	8		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	55	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	8		
		XOSPATA .....	30		
		XPOVIO .....	27		
		XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 27			

ZEPZELCA .....	24
ZEVALIN Y-90 .....	26
zidovudine CAPS .....	35
zidovudine SYRP .....	35
zidovudine TABS .....	35
ZIEXTENZO .....	52
zileuton TB12 .....	9
ziprasidone hcl .....	33
ZIRABEV .....	25
ZIRGAN GEL .....	62
ZOLADEX 10.8 MG .....	27
ZOLADEX 3.6 MG .....	27
zoledronic acid CONC .....	48
zoledronic acid SOLN .....	48
ZOLINZA .....	30
zolmitriptan SOLN .....	57
zolmitriptan TABS .....	57
zolmitriptan TBDP .....	57
zolpidem tartrate TABS .....	53
zolpidem tartrate TBCR .....	53
zonisamide CAPS .....	12
ZONTIVITY .....	52
ZORBTIVE SC .....	48
ZYDELIG .....	30
ZYKADIA TABS .....	30
ZYLET .....	62
ZYTIGA 250 MG (abiraterone acetate) .....	27
ZYTIGA 500 MG (abiraterone acetate) .....	27

